

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 11

1 Đường Cao Tổ:

Họ Lý, Vương Thở Đức đóng đô ở Nhị kinh. Lôi thị nói:

“Thần, Thái, Cao, Tắc, Trung, Duệ, Huyền, Túc, Đại, Đức, Thuận, Hiến, Mục, Kính, Văn, Vũ, Tuyên, Ý, Hy, Chiêu, Mạt, Minh, Thế Tông, Đường. Gồm hai mươi hai đời vua, trị vì hai trăm chín mươi hai năm”.

Mậu Dần: Cao tổ Thần Nghiêu Hoàng đế tên là Uyên, tự là Thúc Đức, người Lũng Tây, Thành Kỷ. Tiên tổ ông là hậu duệ của Vũ chiêu Vương Lý Cảo. Tây Ngụy ban họ là Đại Dã, làm quan đến chức Thái úy. Ông cùng Lý Bất... cả thấy tám người phò tá nhà Chu có công, được phong làm Trụ quốc. Khi Lý Hổ chết, vua Chu xét công phong làm Đường Quốc công. Ông này sinh ông Bính cũng được tập phong làm Đường công, đó là cha của Cao tổ. Ông này làm quan nhà Tùy giữ chức Tổng quản An Xuyên sinh ra Cao tổ ở Trường An. Lúc sinh ông, ánh sáng màu đỏ tía đầy nhà, người ông có ba vú, tính tình khoan dung nhân hậu và ông cũng được tập phong làm Đường công. Sau Tùy Cung đế tấn phong ông làm Đường vương. Sau đời Thái Tông, muôn dân biết Tùy tất diệt vong, bèn mưu tính đại sự, Cao tổ nhận lời. Tháng bảy ông cử nghĩa binh, tháng mười một diệt được kinh thành. Tháng năm năm sau, Cung đế nhường ngôi cho Cao tổ. Ông lên ngôi ở Trường An, đổi quốc hiệu là Đường, ở ngôi được chín năm, thọ bảy mươi một tuổi, an táng ở Hiến lăng. Ông truyền ngôi cho Thái Tông. Thái Tông là thiên tử có tâm Phật. Ông khai cơ lập nghiệp, chấn động khắp nơi, truyền được hai mươi hai đời vua, trị vì tổng cộng hai trăm chín mươi hai năm. Từ khi khai quốc đến nay, chưa có triều nào thịnh bằng đời Đường. Đạo ta thịnh suy thường tùy thuộc vào đế vương. Từ đây Thánh hiền ngoại hộ nội hộ rất nhiều, điển chương hoàn bị, không ngoài thời này. Thế nên vua Đường được tôn xưng là quân tử danh giáo hoàn bị toàn thư. Phật giáo về sau cũng có tư liệu để kê cứu.

Vua đặt ra Thất miếu. Từ Đông sang Tây, mặt hướng về phía mặt

trời. Thủ tổ ở giữa, Tam Chiêu bên trái, Tam Mục bên phải cứ theo thứ tự như vậy.

2. Vua xuống chiếu mời Tăng Đạo luận nghị:

Cao tổ nhận ngôi từ Tùy, bá quan đều lay tạ, chỉ có Tăng chúng đứng khoanh tay. Ngạc Quốc công Uất Trì Kính Đức, Kim Ngô vệ tướng Quân Lưu Văn Tĩnh tâu:

- Tăng chưa phải là Thánh nhân, còn là phàm phu sao lại đứng trở ra không lay công hầu cha mẹ? Như vậy ai chịu được?

Vua ra lệnh ấn định Nho, Thích hơn kém thế nào rồi ghi vào Quốc điển, bàn xong thì dâng vua, vua đồng ý cho không lay.

Kỷ Mão: Ấn định phép tô thuế.

Giáp Thân: Tháng hai năm thứ bảy Cao tổ mở hội tại Quốc học mời danh Nho, Tăng, Đạo đến nghị luận. Đạo sĩ Lưu Tiến Hỷ hỏi Samôn Tuệ Thừa:

- Thái tử Tất-đạt-đa tu khổ hạnh sáu năm cầu chứng đạo quả, như vậy Đạo hay sinh Phật, Phật từ Đạo mà thành. Nên kinh nói: “Cầu đạo vô thượng”, lại nói “Thể nhập đại đạo, phát tâm vô thượng”. Theo đó mà xét thì Đạo phải có trước Phật.

Thừa đáp:

- Chấn đán với Thiên Trúc giống như biển cả sánh với đảo nhỏ. Lão Quân và Phật trước sau hơn ba trăm năm. Lẽ đâu vào thời Chiêu vương, Phật lại cầu cái đạo trong thời Kính vương chẳng.

Tiến Hỷ nói:

- Đại Đạo của Thái Thượng có trước trời đất, ở trong cái hỗn độn rỗng linh ấy, ở trên cái Ngọc thanh lấy lừng kia, là thầy của Phật.

Thừa nói:

- Căn cứ thất tịch, cửu lưu, sử sách các nước vốn từ chu dịch, Ngũ vận cùng sinh, lưỡng nghi cùng hiện, trụ khéo léo trong vạn vật thì gọi là Thân. Một âm một dương thì gọi là Đạo. Lẽ đâu ông cho rằng có một đại đạo khác sinh trước trời đất ư. Đạo đã không có tên gọi làm sao sinh ra Phật. Trung Dung nói: “Cái mà làm chủ tánh thì gọi là Đạo”. Xa Dận cũng nói: “Ở mình gọi là Đức, ở vật gọi là Đạo, lẽ đâu phải đầu đội mũo vàng, thân mặc áo vàng, đầu xoa tóc trắng, tay cầm ngọc chương, ở trên đại la mới được độc xưng là đại Đạo”. Ôi! Thật quá sai lầm.

Tiến Hỷ không đáp được. Sau đó Thái học bác sĩ Lục Đức Minh căn cứ lập luận mỗi bên ghi lại những đạo lý chính yếu. Vua xem xong, vui vẻ nói:

- Ba người là kinh địch, nhưng một lời của Đức Minh đã thông suốt tất cả, cả ba đều tài giỏi.

Rồi vua ban thưởng gấm lụa cho cả ba người.

3. Phó Dịch dâng sớ xin vua hủy diệt Phật giáo:

Ất Dậu: Thái sử Lệnh Dữu Kiện hổ thẹn với chức quan của mình bèn tiến cử Phó Dịch lên thay. Dịch từng là Hoàng quan cho Tùy rất không vừa ý. Sau khi đổi triều. Dịch đắc chí với triều đình làm đến chức sử lệnh. Hồi ấy đạo sĩ Phó Nhân Quân là người học rộng, Dịch bèn tiến cử Quân làm Thái sử thừa cùng phụ giúp mình. Dịch dâng sớ xin vua bãi trừ họ Thích. Trong đó nêu ra mười một điều, đại loại nói:

“Phật ở Tây Vực, ngôn ngữ yêu mị, đường xá xa xôi. Hán dịch kinh người Hồ tự ý bỏ qua những điều đối trá nên khiến cho kẻ bất trung bất hiếu cạo đầu rồi chỉ vái vua, cha; bọn du thủ du thực đổi áo rồi trốn xâu lậu thuế. Họ diễn nói sách ma thuật lại pháp tà, dối mở tam đồ, lầm nêu lục đạo, làm khiếp sợ kẻ ngu, lừa dối người dốt. Phàm bá tánh lê dân thông hiểu thì ít, chẳng xét ngọn nguồn, tin trò mê hoặc. Xét những tội lỗi đã qua, nghĩ đến phước sắp tới, thậm chí có kẻ tự gây ác nghịch, luật pháp gia hình, thì ở trong ngục luôn mệnh tụng niệm, không ngớt lay Phật, sớm tối quên mệt hồng tránh được tội. Thế nhưng sinh mạng dài ngắn là lẽ tự nhiên, ban hình bố phước, cho phước hiện uy, đều bởi quân vương, nhưng bọn ngu Tăng lại ngông cuồng cho rằng do Phật. Họ lấn quyền nhân chủ, cướp lý tạo hóa, làm hại quốc chánh, thật đáng bi thương. Kinh thư nói: “Chỉ có vua làm phước, chỉ có vua tỏ uy, chỉ có vua cho ăn”. Bề tôi không có kẻ làm phước, dương uy cho ăn, mà có kẻ làm tổn cho nhà, làm hại cho nước. Từ thời Ngũ đế Tam vương đều chưa có Phật pháp, nhưng vua sáng thần trung, vận nước lâu bền. Đến thời Hán Minh mới lập ra miếu Hồ, khiến người Tây Vực leo vào, tự tiện truyền pháp. Thời Tây Tấn về trước không cho phép người Trung Quốc cạo đầu xuất gia, đến khi Phù Thạch làm loạn Hoa Hạ, bỏ lệnh cấm ấy, chánh sách bạo tàn, vận nước ngắn ngủi, đều do Phật giáo gây nên tai họa. Lương Vũ, Tề Tuyên cũng quá đủ để ta ngăn ngừa. Xưa chỉ một nàng Bao Tự mà đã mê hoặc U vương đến nỗi mất nước, huống gì nay có đến một trăm ngàn Tăng, Ni. Khắc đắp, thêu tượng làm hao tổn của dân. Bệ hạ đem một trăm ngàn người này gán ghép thành vợ chồng, nuôi nấng mười năm, dạy bảo mười năm thì cũng có cái ăn cho quốc gia, đủ binh lính cho đất nước, mà bốn biển cũng tránh được cái họa ăn không ngồi rồi. Trăm họ biết uy phước ban ra thì yêu dị liền dứt

mà quay về với thuần phong chất phác. Vả lại xưa nay kẻ trung thần can gián ít ai tránh được mối họa vào thân. Gần đây, Bắc Tề Chương Cừ Tử Tha can rằng: “Tăng, Ni làm hao tổn quốc gia, chùa tháp làm tốn hao vàng lụa, bọn Tăng Ni lại đua nịnh tể tướng, cậy nhờ phi tần, làm cho người sống chê bai, người chết phỉ báng”.

Cuối cùng Tử Tha bị chết giữa chợ. Đến khi Chu Vũ vào Tề, việc đầu tiên là truy phong mộ ông ấy. Thần tuy ngu muội nhưng trộm mong nổi gót ông ta”.

Dịch dâng sớ tâu vua, nhưng vua không trả lời.

Bính Tuất: Năm thứ chín, Thái sử lệnh Phó Dịch dâng cả thầy bầy lần sớ xin trừ khử họ Thích, ngôn từ ấy rất thống thiết mạnh mẽ. Lúc này vua tuổi đã cao lại trù trừ không quyết đoán, mà tin lời dịch. Vua đem sớ tấu giao cho quần thần cùng bàn bạc. Đại thần đều nói:

- Phật pháp hưng thịnh từ nhiều triều trước, hoàng thiên ngăn ác, ngầm giúp nước nhà không thể phế bỏ.

Chỉ có Thái bộc khanh Trương Đạo Nguyên là đồng tình với Phó Dịch cho rằng đúng lý. Tể tướng Tiêu Vũ mắng Dịch:

- Phật là Thánh nhân, Dịch bàn như vậy là xem Phật như người phạm, thật vô phép, xin gia hình thật nặng.

Dịch nói:

- Lễ vốn ở nơi thờ cha mẹ, cuối cùng là thờ vua. Được như vậy thì lễ nghĩa trung hiếu mới rõ ràng đạo bề tôi, đạo làm con mới thành. Phật vượt thành xuất gia, trốn tránh cha mình, dùng lễ của kẻ thất phu chống lại thiên tử, dùng lễ của kẻ bất hiếu chống lại cha mẹ. Vũ không xuất thân bên Tây Vực nhưng trái lại cũng tôn thờ những giáo điều của kẻ không cha mẹ. Thần nghe: “Hễ người không có hiếu thì không có cha mẹ”. Vũ chính là hạng này.

Vũ mắng Dịch:

- Địa ngục chính là vì người này mà thiết lập nên.

4. Lý Sư Chánh trước tác Nội Đức Luận:

Vua lại theo sớ tấu của Phó Dịch hỏi chư Tăng:

- Xuất gia có lợi gì cho đất nước?

Bấy giờ, Pháp sư Pháp Lâm, họ Trần, người Dĩnh Xuyên, trước đây ông nội ngài làm quan, nên ngài theo cư ngụ ở Tương Dương. Sau về ở chùa Tề Pháp trong Trường An. Lâm trước tác Pháp Tà Luận hai thiên, dẫn khắp sách Phật cùng kinh tịch của Đạo giáo nhằm nêu tỏ Phật đạo, quán triệt cội nguồn vạn pháp. Khổng Tử lập ngôn chỉ giáo

huấn trong nước mà chưa phổ cập đến những quốc gia xa. Đó chưa phải là đạo lý cùng tột. Phàm người xuất gia phải thủ chí tỏ đạo, tích thiện tạo phước, mở trí cho kẻ mê, ích nước không nhỏ.

Pháp sư Minh Khái nêu ra tám điều phản bác việc phỉ Tăng báng Phật của Phó Dịch. Pháp sư Tuệ Thừa viết Biện Chánh luận, nêu ra Thập Dụ Cửu Châm đả phá Thập Di Cửu Mê của đạo sĩ Lý Trọng Khanh, Pháp Lâm... dâng biểu trình tấu vua, đồng thời trình tấu cho cả Tần vương.

Lý Sư Chánh viết Nội Đức luận ba thiên, trình bày lợi ích trong sự giáo hóa của nhà Phật. Chánh tự viết luôn bài tựa rồi trình cho vua. Trong ấy nói:

“Đấng Thập Lực Điều Ngự lái thuyền pháp trong biển khổ, dùng Tam thừa dẫn dắt, lập con đường bằng phẳng thênh thang trong nhà lửa. Khuyên người làm thiện, tích tu phước đức thì bầy kinh không theo kịp, cấm ác phòng họa thì chín phái không sánh kịp. Luận về hóa tích thần kỳ thì lời lẽ rộng sâu, thật đáng khiếp sợ, bàn về bỏ mê dứt hoặc thì quỹ phạm thanh tao thật khó vượt qua. Sĩ thứ của Hoa, Di; văn Nho của vua, dân đều phải nhờ đây mới mong thọ nhận được đạo vị. Nếu tự mình chẳng nghiên ngẫm tính hoa, cứu xét chân vọng, tư duy thật sâu, quán sát khổ không thì chẳng khác nào trông gốc tin trên tảng đá, chúc mối nghi vào trong lòng. Bởi vì xa thì có Tịnh Danh, Diệu Đức hoàng đạo mâu lại dốc chí tu tập, gần thì có Thiên Thân, Long Thọ ngộ lý chân lại hết lòng giáo hóa. La-thập, Đạo An là những người dốc chí học tập, nghiên cứu huyền tông thật đáng kính phục. Tăng Duệ, Tuệ Viễn là những người dựng lập niềm tin, nêu tỏ lý mâu, thật đáng kính ngưỡng. Còn như Dâm thư của Sĩ An, Ngoạn Dịch của Tuyên Ni, ngần vàng chưa đủ làm khiếp sợ cái thấy, tám âm không thể đổi được cái nghe. Nghe càng nhiều thì ý thích càng sâu, nghĩ càng sâu thì niềm tin càng mạnh, dù muốn bỏ cũng không thể bỏ được. Được vậy thì chắc chắn không lầm lạc.

Hoàng đế ta thừa hưởng mệnh trời, cai quản quốc gia, che chở sinh linh, ân sâu như đất, quét sạch khí tà sáng sạch tám phương, mở rộng biên cương, muôn dân an ổn, mở bày năm giáo, nêu tỏ công đức, tổng thâu cái đẹp của muôn đời, thay đổi dư tệ của trăm vua, dẫn dắt muôn dân làm lành. Tôn sùng Tam bảo dùng bốn lành để diệt trừ những ác nghiệp. Noi theo cái đẹp của tứ chúng, tuân theo di chỉ của Thích Tôn, tiếp nối đạo mâu, công đức cao dày trời cao xanh khó sánh. Chỉ vì những kẻ làm quan trước thuật đủ điều, những bậc tông sư rồi bởi

lập luận. Có người nói thời Tam vương không Phật nên vận nước lâu dài, thời Nhị Thạch có Tăng nên chánh sách bạo ngược. Làm tổn sự cai trị là do thờ Phật, ích nước cần phải phế bỏ Tăng. Đó chỉ là cái thấy thiên lệch chẳng phải lẽ chung. Hãy xem kỹ những thời vua hưng thịnh sẽ biết được ngay. Vì sao? Vì kẻ diệt vong nước Tần chính là Hồ Hợi, lúc ấy không có Phật mà đất nước cũng hoại tan. Người hưng long nhà Phật chính là Hán Minh, thời ấy có Tăng nhưng quốc gia lại thịnh trị. Nhà Chu hủy diệt chùa Phật nhưng vận nước của Thiên Nguyên đâu có lâu bền. Nhà Tùy hoằng hóa giáo lý Phật nhưng chính sách thời Khai Hoàng không bạo ngược. Thịnh suy là do ban bố chính sách, trị hay loạn là cốt ở quan dân, đổ lỗi cho Phật cho Tăng thật chẳng đúng đạo lý.

Vả lại đối với thần dân Phật chỉ mở rộng việc thiện chứ không hoằng dương việc ác, cấm dân làm ác phòng ngừa họa hoạn nào có tổn hại gì đến quốc gia. Nếu người người làm lành, nhà nhà giữ giới thì hình phạt làm sao mỗi ngày một tăng! Họa phước nhân dân đâu mà có. Con kỳ lân tuy giỏi nhưng không bám đuôi con giỏi khác thì không thể đi xa. Dược thạch là thuốc hay nhưng không nhờ cháo cơm làm sao hết bệnh. Hạng Tịch bỏ thầy đâu phải vì Phạm Tăng bất tài. Họ Thạch bạo ngược đâu phải vì Phật đạo bất nhân. Đó chỉ vì đi ngược lại nên thành bạo loạn, không tuân theo nên dẫn đến tham tàn. Từ đó mà xét đủ thấy rõ rồi.

Lại có người cho rằng đấng Chánh giác là yêu thần, đem chùa tháp ví với dâm tử (miếu dâm), rồi chỉ trích hủy báng chẳng tiếc một lời. Thánh triều khuyên làm thiện, lập già lam để trồng phước. Dân mê hủy báng thật quá đi ngược công lao của vua. Những kẻ đó thật đáng chê trách. Nhưng đâu chỉ hủy Phật suông mà nuôi dưỡng hận thù trong lòng ngày đêm than trách, vì vậy mới thường giận dữ, hàm hồ. Họ lừa dối ân vua, dục càn vào đạo pháp, vun đắp lỗi lầm, gây trở ngại đối trá.

Niềm tin theo cái nghe mà khởi, mối nghi nhờ cái hiểu mà trừ. Ngày xưa tôi cũng từng hồ đồ phỉ báng không tin, nay thì đã tin sâu không còn hủy báng. Gần thì xét bản thân mình, xa thì suy đến kẻ khác. Phàm khinh khi hủy báng, không tin là do nghị bàn chưa rọt ráo, nếu nay cứu xét những đạo lý u huyền thì công lao bằng Đờ Trùng, La-thập và tất sẽ tin sâu dốc kính, chí ngang bằng với danh Tăng.

Sư Chánh tôi học thì chẳng đạt chỗ sâu xa, biết cũng chưa đến chỗ nhiệm mầu. Từ nhỏ nghe giảng dạy nên trừ được mối nghi trong lòng. Nay xin thận trọng đem cái học cạn cợt của mình viết bộ luận gồm ba thiên. Thiên thứ nhất luận về sự mê lầm để nêu rõ sự thông

trê của tà chánh. Thiên thứ hai luận về lẽ chung để thấy rõ sự thịnh suy của họa phước. Thiên thứ ba luận về có, không để đả phá cái thấy biết chấp thường, chấp đoạn. Dùng muôn lời khảo xét, lấy muôn thiện kiểm chứng. Trên thì nêu tỏ phước tịnh của thánh triều, dưới thì phan phui hư dối của dân tữ. Chánh tôi chỉ có tâm nguyện chữ tài năng thiếu sót, ngôn từ quê mùa, chứng cứ cạn cợt, chỉ đem hết sức mình nêu cao thánh đức, ngõ hầu những kẻ có bệnh như tôi mà chưa khỏi thì nhờ nghe những ví dụ cạn cợt này mà tỏ ngộ sâu xa. Như cỏ dại bên rào giậu có khi chữa khỏi bệnh trong lòng. Cỏ hắc cỏ lê nhiều lúc cứu đói cho người ở hang sâu. Còn như kim đan trước mắt, cỗ tiệc đầy bàn, chỉ cần nhìn qua cũng đủ làm Chánh này hổ thẹn.

Thiên thứ nhất: Luận về sự mê lầm.

Biện Thông thư sinh hỏi Trung Chánh Quân Tử rằng:

- Từng nghe, Thích-ca ở Thiên Trúc, kinh điển phát xuất từ Tây Hồ, danh hiệu thì Chu Không không sánh kịp, công đức thì sử sách không ví bằng, thật là đáng mà muôn phương kính ngưỡng, chứ đâu như thầy Nho trong Hoa Hạ. Đến khi Ma-đăng vào đất Hán, Tăng Hội qua đất Ngô, bày xá-lợi ở Nam quốc, lập đạo tràng ở Đông đô từ đó về sau muôn dân mến chuộng Phật thừa, Sa-môn thịnh như dòng Thù Tứ (học trò Khổng Tử), tinh xá như chỗ ở Vương hầu. Trước dựng trên đất khô cằn, sau vun bón bằng phù sa, nêu đạo tràng tỏ như nhật nguyệt, bủa đạo lý ra khắp bốn phương. Vương công đại thần cúng dường vàng lụa, nông thương quy tộc cung cấp gạo cơm. Phước đức có không mà người ta tôn sùng đông đến thế. Còn như đập tượng cấm không cho đúc nhưng củi nước cũng vẫn tổn hao, đốt kinh rồi cấm sao chép nhưng giấy bút cũng không mắc mớ, phế Tăng về làm dân thường, sung thóc vào các thuế má, phá tháp để dựng cơ ngơi, rộng ban lòng thương hại, muốn đến triều đình để ăn thua với ngu trung. Thượng thư hiến kế này, trộm nghĩ có thể làm ích nước lợi dân lắm chứ! Ông thấy thế nào?

Trung Chánh Quân tử đáp:

- Lời ấy có gì ghê gớm đâu. Ngày xưa tôi dốc tâm vào rừng Nho, dốc chí vào vườn văn, cũng có những lập luận như ông bây giờ. Nhưng về sau được nghe Phật pháp, nhờ chỉ nam mà bỏ sự mê lầm, may thay đi lạc cũng chưa xa. Mỗi lần nghĩ lại tội lỗi, tội thường tự trách mình đến nỗi quên ăn quên uống. Ông nếu là người học rộng tính xa cũng nên quay đầu tỉnh ngộ là vừa rồi.

Tôi trộm nghe Thái sử lệnh họ Phó là người càng mê lầm hơn tôi trước đây. Trong lòng tự xét cái ngu ngày trước nếu ông ta mưới thì tôi

chỉ mới có năm. Nay tôi xin luận cái sai lầm của họ Phó để giải thích cái tà chấp của ông.

Ông Phó ấy cho rằng pháp Phật bắt nguồn từ Tây Hồ, không nên phụng thờ ở Trung Quốc. Ngày xưa tôi cũng mê lầm như vậy. Nhưng nay hiểu ra thì không phải thế. Phàm Do Dư xuất thân từ Tây Nhung, giúp Tần Mục mở mang nghiệp Bá. Nhật Đê sinh ở Bắc Địch, giúp Hán Vũ trừ được nguy hại. Bề tôi có những người như vậy thì bậc thầy cũng thế. Vậy cần gì phải ôm khư khư cái phong tục của mình mà bỏ cái hay của phương khác. Ông thấy lấy đạo lớn làm nền tảng, không phân biệt đây kia. Pháp đề cao việc lành chẳng nệ gần xa. Nếu chuộng nhân từ cho là đẹp, bỏ ham muốn cho là thanh cao, dạy người hễ tách ác thì mãi mãi chịu tai ương, khuyên người ta làm lành để tích phước, thì Bách gia như nhau, bảy kinh không khác. Chỉ vì thiên chấp lẽ cạn, chưa tỏ lý sâu, bản tánh hẹp hòi mà không rộng rãi. Còn như tha thứ cho mình cho người thì ai rộng bằng Phật? Thấy ngọn biết gốc thì ai xa bằng Phật? Khuyên lành cấm ác thì ai rộng bằng Phật? Tỏ không thấu có thì ai sâu bằng Phật? Từ đó mà xét thì đạo Phật nhiệm mầu rồi. Đức của Thánh nhân còn thiếu gì nữa? Lẽ đâu được sinh ở xứ khác lại khinh thường Phật đạo, ra đời ở phương xa lại vứt bỏ của báu đó.

Phàm con tuấn mã xuất chúng đâu phải chỉ được sinh trong xóm làng, của báu nhất thế gian đâu phải là vật trong Hoa Hạ. Nhà Hán tìm con tuấn mã ở Tây Vực. Nhà Ngụy thâu minh châu ở Nam Hải, những thứ ngà, sừng của voi, nai được cống nạp, lông cánh của chim Phỉ thúy, là những vật ở nơi xa nhưng Hoa Hạ cho là vật quý. Vậy đạo phát xuất từ phương xa làm sao phế bỏ được. Nếu cây thuốc sinh ở Nhung Di, phù chú có từ Hồ, Việt nhưng có thể trừ tà chữa bệnh, lẽ đâu vì nó ở xa mang lại mà không dùng ư.

Phàm diệt ba độc để chứng vô vi, là đại công dụng trừ tà. Trừ tám khổ để được thường lạc, là đại công dụng trị bệnh. Vậy vì cớ gì lại chấp Di Hạ rồi tính thân sơ. Huống gì ở dưới trăm ức mặt trời mặt trăng ở trong ba ngàn thế giới nước ấy ở chính giữa chứ không phải phương này.

Họ Phó kia cho rằng những điều thi thơ chưa nói là vì kinh điển nhà Phật không đáng chuộng. Xưa tôi cũng mê lầm như vậy nhưng nay hiểu ra thì không phải thế. Phàm những thứ bí áo như thiên văn, lịch tượng, những thứ cao sâu như địa lý, núi sông; những thứ chần mạch như mạch khiếu, huyết những phương thuật như châm cứu, kê thuốc, phù chú... Thi thơ có những thứ không ghi, Chu Khổng chưa từng nói

rõ. Nhưng khảo cứu điếm kết hung đúng lúc đưa ra, xét kỹ công dụng phần nhiều rất hiệu nghiệm. Hơn nữa, những vật mà Chu Khổng chưa nói đến thì nhiều vô kể. Những phương pháp mà thi thư không ghi minh mông vô bờ. Đủ thấy rằng ghi nhưng không cạn lời, lời không cạn ý, thế sao lại câu nệ trong giáo điều hạn hẹp của Lục Kinh, đi ngược với yếu chỉ của Tam thừa. Phàm việc có thể làm nhưng chưa làm được trong thời thượng cổ, thì Thánh nhân thi thiết trong đời sau. Cho nên nhà cửa thay cho hang ổ, văn tự thay cách thắt gút, cỗ tiệc thay cho ăn lông ở lỗ. Như vậy thứ gì mà tổ tiên dùng chưa hẳn là quý. Công dụng của lửa để nấu chín cơm, dù người đời sau phát minh nhưng đâu phải là cái tệ. Trước dùng sau bỏ không phải là không thông lý giáo, lẽ đâu cho rằng thi thư sớm hồng bá là được hưng long, kinh Phật truyền đến sau thì phải hủy bỏ. Con người lúc nhỏ ăn rau dưa, lớn lên mới ăn thịt, lúc nhỏ mặc áo vải, lớn lên mới mặc quan phục, lẽ đâu ông cho rằng rau dưa có trước là ngon hơn thịt thà ư? Quan phục mặc trễ nên không quý bằng áo vải chăng? Muôn vật đổi thay nhưng Tam bảo thì thường trụ, thể của pháp không còn tính theo thịnh suy, chẳng phải đản sinh ở vương cung, thị tịch ở song thọ thì làm sao luận được việc cảm ứng sống chết, bàn được việc đến đi tu hành.

Họ Phó khen Lão Tử chê Thích-ca, tán thán kinh sách Đạo giáo chê bai giáo lý nhà Phật. Xưa tôi cũng mê lầm như vậy, nhưng nay hiểu ra thì không phải thế. Phàm bản chất của Thích Lão là một mà không phải hai, vì cùng chủ trương diệt trừ cái lụy của Hữu dục, hiển bày cái tông của Vô vi. Lão thị thấy rõ nhưng chưa dung thông, họ Thích nói ra thì diễn bày tới chỗ cùng cực. Đạo nếu quả là Phật thì chắc chắn cùng đúng mà không sai. Phật nếu quả thật chẳng phải Đạo thì có thể sai mà không đúng. Lý không có mâu thuẫn khác nhau, nhưng con người lại cứ ôm lấy mâu thuẫn. Đã cùng hỷ nộ như Chúng Thư, lại giống ái ố như Diệp Công, đến như yếu chỉ đạo đức dưới cung cấm, nội dung nội ngoại trong vườn tất rất uyên áo khó thêm, thanh cao lại đáng chuộng, thiết nghĩ nên đọc đến mà đừng bỏ qua. Lẽ đâu vì tin và phụng hành giáo điển họ Thích mà hồ đồ phỉ báng chăng? Lại nữa, nhân duyên sống chết thì vô cùng yếu chỉ báo ứng thì bất hủ, những điều họ Thích sáng tỏ thì Hoàng Lão không nói đến được, chẳng biết kinh sách Đạo giáo ngày nay căn cứ vào đâu mà tôn lên ngang hàng với kinh Phật.

Luận ba đời để khuyên người phòng bị, vượt hẳn vòng lẩn quẩn của chín phái. Nếu mắt thấy rồi nói thì đồng như Phật, sáng suốt như nhau, nếu nghe rồi bỏ thì thờ Phật và tuân theo thuyết của ngài. Cùng

sáng suốt thì không nên chê, đã làm thầy thì thầy phải không nên hủy báng như vậy khen Đạo chê Phật không phải là quá sai lầm đó sao?

Phó nói: “Phật là tà khí yêu mị, chùa là nơi thờ dâm tà”. Đó là nói cần nói bướng. Yêu thì chỉ tác nghiệp lẽ đâu hoằng hóa thập thiện. Mị tất dựa vào tà lẽ đâu hoằng dương tám Chánh đạo. Yêu vẫn còn sợ chó, mị vẫn còn sợ mèo, thế tại sao lại giáng trong cao tâm của Đế Thích, xô thân lực của thiên ma. Lại nữa, những người như Đồ Trưng, La-thập, Đạo An, Tuệ Viễn là những người cao đức cao danh, chẳng say chẳng cuồng, lẽ đâu họ chịu cất ái từ vinh, cầu cái tà đạo lỵ mị cần hành tinh tấn thờ cái yêu thần Võng Lương?

Lại nữa từ Đông Hán xưa kia đến Đại Đường ta, đời đời cấm yêu ngôn, xử xử đoan dâm từ, lẽ đâu chịu bỏ sức lực tiền của để sĩ thứ muôn dân dựng xây đường tháp của lỵ mị vào trong đồ chúng của Võng Lương ư?

Lại những kẻ tế phụ, quan quyền trong đạo nhân luân như Vương Đạo, Dữu Lương, như Đới Lục, Hứa Tuân là những kẻ đặt tình trong khoảng trời người, lại đi ngược di phong của xã tắc, cùng thọ giáo quy y, dốc lòng sùng tín, lẽ đâu chịu cúi mình tôn phụng tà mị? Đó là do thấy được lẽ mâu, biết được chân lý mới khiến họ như vậy đấy.

Lại nữa, trước họ Phó có người họ Nghị tự là Vũ Trọng là người tài cao học rộng, đời gọi ông là người thông thái đã lý giải được mộng lành mà hiển bày tâm tông, đã chứng biết được sự ngâm cảm về việc người vàng. Đạo Phật truyền sang Đông độ, Nghị là người có công. Nếu trộm ví tài hiểu biết của ông ấy thì Phó lệnh không bằng Vũ Trọng. Thế vì có gì ông lại hủy Phật báng pháp đi ngược với người xưa?

Thượng thư lệnh Hám Trạch của nước Ngô nói với Ngô Chủ Tôn Quyền: “Khổng giáo, Lão giáo so với Phật thì thua kém rất xa. Vì sao vậy? Vì Khổng, Lão lập giáo, tuân theo trời mà chế phép tắc, chẳng dám trái ý trời. Chư Phật thuyết giáo thì trời phụng hành theo, chẳng dám trái lời Phật”. Từ đó mà xét quả thật không thể đem so sánh được. Kẻ ngu cho rằng Hám Trạch biện luận chỉ mới biết một góc của sự hơn thua, lẽ đâu biết bao quân tử lại có thể không suy nghĩ đến lời nói của ông ấy chẳng?

Phàm Đại sĩ Cao Tăng quán lý sâu xa, minh chủ hiền thần trị nước rất trung, trải bao đời nay rất quý trọng xem đó là lời giáo huấn to lớn là tại sao vậy? Vì biết đó là lời đã rốt lý tận tánh, chẳng còn biết thêm bớt lời nào nữa.

Họ Phó xét Cao Tăng chưa sâu, nghĩ bậc hiền triết chưa tinh tường,

cho cái thấy của mình là đúng mà trái pháp, dứt phước rồi gây tội, đâu chẳng phải là kẻ bất trung trong việc trị nước thấy gần trong việc sửa mình đó sao?

Bậc Đại giác thấu tận được nguồn thân, hiểu tận việc giáo hóa, biết sâu họa hoạn nên phòng trước. Chỉ có tuổi tác đổi thay hết, ngũ phước khó thường còn, thân mạng đổi thay ngắn ngủi, nghiệp quả cứ mãi còn hoài, tam đồ mờ mịt gian nan, tứ lưu mang mang không bến. Nướng thuyền pháp mà qua nhanh, nhờ tín tâm mà vượt lẹ, nên chuyển tội thành phước, lẽ đâu không biết mà lại làm kẻ cuồng.

Họ Phó nói: “Thời Triệu, thời Lương đều có Tăng làm phản, hưởng gì Tăng Ni trong thiên hạ ngày nay có đến hai trăm ngàn”.

Đây cũng là nói cần chẳng biết suy xét. Nếu xưa vì có Tăng làm phản mà bỏ Tăng đúng pháp ngày nay, vậy thì do xưa kia có bề tôi làm phản mà bỏ những danh sĩ ngày nay ư? Lẽ đâu vì hàng xóm có đứa con ngỗ nghịch lại đi đuổi đứa con hiếu thuận của mình? Xưa vì có dân làm loạn nên không nuôi dưỡng muôn dân ngày nay.

Trong khắp gầm trời này, những người xuất gia đâu tụ tập trong một ấp mà như sao trời rải khắp chín châu. Giới hạn họ bằng châu huyện, hạn cuộc họ bằng quan ải, dù không nêu uy quyền nhưng có hiến chương câu thúc họ. Giả sử trong mười lăm người hung hiểm thì một, hai người là xiển đề, đã không dính gì đến đám ô hợp thì lo gì đến bè đảng. Vả lại Sa-môn nhập đạo lẽ đâu ôm trong lòng cái kế mất mạng. Nam nữ xuất gia đâu có tìm cầu con đường quan chức. Thế tại sao lại kể cả Tăng Ni vào đám lộn xộn ấy? Xem họ đồng với loài cú vọ, đặt điều hư huyễn làm loạn sự thật, che điều thiện phơi điều ác? Quân tử có ba cái đáng sợ, lẽ đâu ông làm như vậy chẳng? Phạm bọn áo xanh có tội đâu liên quan đến lỗi của Ni phụ, y phục màu đen là quấy lẽ đâu là tội của Thích-ca? Tăng can dự việc triều đình, Ni phạm phải hình phạt của thế tục cũng như kẻ thuộc luật pháp mà vẫn làm càn, người học lễ mà vẫn kiêu ngạo. Đó là do tính khí con người ngang bướng không chịu làm theo lẽ thiện, chứ nào phải kinh điển diễn bày nguồn nghịch loại rồi khiến cho họ nhiễm ác. Con người đâu phải ai cũng tài giỏi, còn đạo pháp chỉ duy trì việc thiện, thế tại sao lại đi giận cái ác rồi phản bác cái thiện, đổ lỗi cho người rồi hủy diệt đạo pháp?

Còn như miệng bàn Di, Tuệ mà thân lại làm Kiệt, Chích; tai nghe Kiệt, Chích mà miệng lại bỏ Thi Lễ như vậy là con người đáng tội tru di, chứ phép tắc nào có lỗi gì mà phải hủy bỏ? Chỉ nên cấm điều phi pháp, hoàng dương chánh pháp mới phải, chứ đâu thể vì người mà xem

thường đạo lý được. Cần phải dốc lòng tin đạo pháp nhiệm mầu, không hồ đồ phỉ báng Sa-môn. Còn như dọn sạch cỏ dại để gieo trồng lúa thóc, tẩy trừ kẻ gian trá để làm trong sạch đại giáo là điều mà tôi rất mong, tôi rất mong!

Họ Phó bảo rằng: “Đạo nhân cú vọ đều là giống ác chỉ toàn tham lam phản nghịch”. Đó cũng là nói càn chẳng biết suy xét. Phàm người bỏ tục tu đạo thì gọi là đạo nhân. Đạo vốn lìa tham lam phản nghịch, nên phải nói họ tham lam đạo Bồ-đề, phản nghịch với dòng sinh tử mới đúng. Như vậy, những gì họ Phó kia nói đều chưa thấu được diệu lý. Hãy xem luật hạnh của Sa-môn đi! Họ làm những việc mà người khác không làm được, họ cấm những gì mà người khác không cấm được. Họ nghiên ngẫm toàn bộ kinh điển nhà Phật, đến những loài ngọ nguậy mà còn không giết hại, huống gì là những việc của bọn cú vọ ư! Cái lễ nghi lấy vợ lấy chồng mà họ còn bỏ không thêm làm huống gì là cái tâm của loài cầm thú ư. Thế tại sao ông lại đem những thượng nhân ly dục ví với những loài thấp hèn tạp nhạp, đem người tài giỏi có đạo đức ví với những loài ti tiện vô tri? Phỉ báng những người thánh thiện đại từ, sánh họ với loài ác điều tai ương? Ông cho đạo nhân là giống phản nghịch, đem hạnh thanh tịnh ví với tâm cầm thú, rõ ràng làm tổn lại cái thiện quá lắm, đi ngược sự thật quá lắm.

Ngày xưa tôi dẫn đạo lý: “Không hủy mình, không làm thương tổn thân thể mình”, trong Hiếu kinh để chê cách cạo bỏ râu tóc của Sa-môn, rằng họ làm trái vương đạo, mất nghĩa trung hiếu. Nhưng nay tỏ ngộ ra thì không phải như vậy. Nếu thờ vua, cha trọn khí tiết thì dù tự sát vẫn được gọi là kẻ có nhân. Nếu thiếu trung hiếu mà sống thì bo bo giữ thân vẫn là kẻ phi nghĩa. Bàn đến cái đẹp thấy lúc nguy khốn mà quên mình, giữ mình theo lễ nghi gặp nạn mà không hồ đồ trốn tránh đâu thể chê họ là người hủy hoại bản thân, đồng những kẻ không đoái hoài gì đến thân thể. Xẻ đùi, cắt gan mới thật sự tổn thương còn như cắt tóc cạo râu thì hại mình có là bao! Nếu lập trung hiếu mà không nhìn bản thân mình, người ta còn không cho là tội lỗi; cầu đạo chẳng tiếc sợi lông lẽ đâu lại có lỗi ư? Thang Tuất, Chung Dân mà còn đốt thân cầu mưa móc. Mặc Đôn, Kiêm Ái còn muốn mài chân để lên đỉnh cao, huống gì nay cầu phước lợi cho vua, cha cạo bỏ râu tóc có gì là đáng nói!

Phàm giáo của Thánh nhân tuy khác đường nhưng đồng quy, đạo của quân tử có khi đi ngược kinh nhưng hợp nghĩa Thái Bá là con người này. Ông bỏ cha mẹ mà không nuôi dưỡng, mượn cố hái thuốc rồi không về, bỏ phục chương của Trung Quốc, y cách cạo đầu mà làm vui, phản

kinh trái lễ không còn gì hơn, nhưng Trọng Ni lại khen “Thái Bá đáng được gọi là người chí đức”. Vì sao? Vì tuy việc làm của ông trái với nghĩa vua cha, nhưng lòng trung với nước nhà, hình thiếu ở Bách Việt nhưng đức trùm khắp Tam Nhưỡng. Cho nên Thái Bá bỏ lễ chế quan phục mà không tổn hại đến chí đức, còn như Sa-môn bỏ nghi dung quan lại cũng đâu tổn hại gì đến diệu đạo. Tuy thay đổi hình dạng, trái với thường nghi của bề tôi, con nhưng tin đạo quy tâm cầu vua, cha được phước thọ, lao tâm khổ thân tu hành. Những người xuất gia bỏ vua, cha, nhận lấy cốt nhục thâm sâu trong nhiều kiếp, như thế trung hiếu lại không nhiều ư. Hồ đồ bảo Sa-môn là kẻ bất trung, điều ấy không đáng tin được.

Họ Phó còn nói: “Người xứ Hồ bên Tây Vực sinh từ bùn nhơ nên hay thờ bùn nhơ ngói gạch”. Đây cũng là điều nói cần chẳng biết xét suy. Phàm dựng lập linh tượng, họa vẽ tôn hình phải dùng nhiều loại hương thơm ngào trộn chứ đâu chỉ có bùn nhơ ngói gạch. Dù khắc hay đúc thì cũng phải dùng gỗ, sắt, đồng, vàng; dù vẽ hay thêu cũng dùng lụa trắng, xanh, đỏ. Nói vậy, hóa ra mọi người bên Tây Vực đều sinh từ những vật ấy sao? Còn như miếu của Trung Quốc dùng cây gỗ là chính, vậy ông cho rằng vua được sinh ra và lớn lên từ cây gỗ ư? Do cha mẹ không thể bỏ quên nên dựng lập tông miếu cho họ, do Phật không thể quên nên tạo dựng hình tượng để tỏ rõ cái tâm kính nhớ vô bờ của mình, để cung kính Phật như lúc còn sống. Cung kính Thánh nhân, ngưỡng mộ thánh đức thì có lỗi gì? Những kẻ lấy cái thiện đổi thành cái ác, nên cũng hay cho cái ác là có công đức.

Họ Phó còn nói: “Lúc không có Phật thì nước thịnh trị, đế nghiệp lâu dài. Còn khi có Phật thì chánh sách bạo ngược, vận nước ngắn ngủi”. Đây cũng là nói cần chẳng biết xét đoán. Nói vậy nghĩa là ông cho rằng bậc Năng nhân lập giáo đều xiển dương cái lễ lỗi, dâm loạn, bạo ngược; Bồ-tát lập ngôn chuyên hoằng dương những việc của Trụ, Kiệt sao? Thế nhưng sự thật thì hoàn toàn không phải như vậy. Phàm nhà Ân bị bại hoại cơ ngơi, mối họa đó là do miệng mồm của Đất Kỷ. Nhà Chu mất chư hầu, mối họa đó khởi nguyên từ tiếng cười của Bao Tự. Tam vương mất nước đều do những việc đó, giáo pháp Tam thừa lẽ đâu chuộng những thứ gây họa ấy sao? Phật thì thiết đạo Từ, Bi, Hỷ, Xả, cứu độ chúng sinh chẳng kể thân sơ, ban an lạc, cứu khổ nguy. Ngày xưa, vua sở dĩ được lòng dân là nhờ Phật đã giáo hóa, dân sở dĩ tìm đến vua của mình là vì kinh đã dạy họ quá kỹ. Đức của Hy, Hiên, Thuấn, Vũ nhờ có Lục độ che chở. Tội của Nghệ, Trác, Quý, Tân đều lấy thập ác phòng

ngự. Giả sử Kiệt noi theo cái hạnh thiếu dục, Trụ thuận theo cái đạo đại Từ thì Y, Lữ không thể dùng được cái mưu của mình, Thang, Vũ làm sao thi hành kế sách của mình? Có thể khiến muôn dân tránh được cái họa bỏ nước, làm cho biên cương dứt được cái loạn can qua. Hạ hậu theo bài ca Lạc Nhuế, Sở Tử tránh được nạn Càn Khê. Như vậy họ Thích giáo hóa lợi ích đâu phải nhỏ. Cầu phước thọ đến vô cùng, ngăn nguy vong đến vô cực.

Họ Phó bảo rằng “Có Phật thì tổn hại, không Phật thì lợi ích” có điều ấy ư? Có điều ấy ư! Phật có thù hằn gì ông mà ông vu cáo đến thế! Phật cô phụ ông điều gì mà ông ghét như kẻ thù đến vậy?

Họ Phó còn nói: “Trước kia không có Phật pháp, mọi người đều hòa thuận, đời không có oán nghịch”. Đây cũng là nói cần không chịu suy xét. Phàm Cửu Lê loạn đức, chẳng phải hồi ấy không có Phật đấy ư! Tam Miêu nghịch mệnh chẳng phải sau lúc có pháp đấy ư? Cuối đời Hạ, Ân, dân có thuần hòa không? Trong thời Xuân Thu lẽ đâu không có oán nghịch! Trộm cướp gian hùng tác quái ở Cao Đào, mọi rợ hiểm gian dương oai ở Kiệt Phủ, nhưng Phó lại bảo rằng Phật sử ra trò oán nghịch. Trộm cướp mà Phật còn cấm, lẽ đâu bày cái loại oán nghịch ư? Một lời nổi lên tranh hơn tranh thua, Phật còn ngăn cấm, lẽ đâu làm bại hoại cái đạo thuận hòa chẳng? Chỉ có Đức Phật hay khuyên dạy kẻ bề tôi phải trung, kẻ làm con phải hiếu, làm cho đất nước thịnh trị, làm cho nhà nhà hòa hiếu. Mở rộng việc thiện bằng cách nêu ra cái vui ở thiên đường, ngăn cấm tội lỗi bằng cách chỉ rõ cái khổ ở địa ngục. Chẳng những có một lời để khen, lẽ đâu dùng ngũ hình để răn dạy. Cho rằng làm thương tổn hòa thuận mà làm lớn mạnh mầm loạn, đó chẳng phải là vu báng quá mức, làm tổn thương Phật quá thể ư. Điều đó chỉ làm mình trầm luân trong biển khổ, tâm khinh mạn chẳng chịu diệt trừ thì thật đáng xót thay.

Lúc bấy giờ thư sinh trong lòng kính phục tỏ vẻ hổ thẹn, bước khỏi chỗ ngồi mà tạ rằng:

- Kẻ ngu muội này do tập tục phát sinh nên thường trái đạo, chuốc lấy tội lỗi, xem thường điều chưa xét, đùa giỡn với lời dạy bảo của người trước, đi ngược chánh pháp mà nghị bàn lung tung, nhận lấy thuyết tà rồi cùng gây tội lỗi. Nay nghe được trí Phật thâm thúy, mới biết bản chất trung lương của Phật giáo. Bỗng nhiên thân tỏ mà lý thông, đủ để diệt mê mà trừ bệnh. Dù theo tà trong nhiều năm, nhưng ngày nay xin quy chánh. Tôi xin cẩn thận học thuộc những điều dạy bảo ấy để làm minh chứng.

Luận rằng: “Xưa Tư Mã Văn Chánh Công chê Nguyên Ngụy Thôi Hạo không sáng suốt trong việc chọn nghề nghiệp. Còn như Phó lệnh thì lại càng không giỏi trong cách lựa chọn. Nay mệnh trời khai mở nhà Đường, Thái Tông có quyền uy. Thánh nhân thị hiện ở đời, là người chủ làm cho đạo đức ngàn năm rực rỡ, lẽ đâu dễ gặp? Văn Trung Tử là thầy Nho của trăm đời, sinh ra trong lúc ly loạn, một đời làm Tế phụ cho Thái Tông, danh vọng cao xa vượt hẳn công khanh, ai nấy đều tôn ngưỡng, nhận đạo giúp vua. Đương thời cũng khiến cho Phó lệnh ít nhiều biết được phương hướng, kiệt xuất trong cửa quan. Những việc ông ta làm không phải là trách nhiệm của vương công nhưng không hổ danh là khanh sĩ đại phu. Do việc xét đoán quá ư hư dối, nên ngôi vị theo đó mà thấp dần, mai một. Đó là do di hận đời trước nên hủy báng Đại giáo, bại hoại thanh danh. Khi Thái Tông lên ngôi, thiên hạ văn minh, công khanh chật cả điện đường. Luận đạo, tế thế, chế lễ, làm nhạc chẳng những giống như thời Nghiêu Thuấn mà còn bổ khuyết thêm. Khi ấy, sở học của Phó Dịch lạc hậu, sai lầm, tự hổ thẹn bỏ quan về nhà. Ông ấy không có nơi nương tựa và chết là điều cũng dễ biết. Hay thay, Nội Đức luận của họ Lý! Xem kỹ thì quả là thấy biết chính xác bao trùm thiên hạ. Trong đó chỉ một thiên luận về lẽ chung của vận mệnh thì Nho gia cho rằng đó là mệnh, họ Thích bảo rằng đó là nghiệp, trước sau đều thông suốt cả, càng làm cho bộ luận trác tuyệt. Tiếc rằng bộ luận quá dài nên không thể chép hết.

Tháng tư năm này, Thái tử Kiến Thành và Tần vương Thế Dân hiềm khích đã sâu dày sắp nổi loạn trong triều. Hơn nữa biên ải nhiều loạn, vận nước cấp bách, Phó Dịch lại vọng sinh phỉ báng Phật, xin phế bỏ Phật giáo... nhưng vua chưa quyết định. Cùng lúc đó chư Tăng như Pháp Lâm... viết luận biện bác, kết hợp với Nội Đức luận đồng dâng lên vua. Vua mới biết rõ Phó Dịch khen Đạo giáo, chê Phật giáo hợp với ý mình, đại thần không can nổi, vua xuống chiếu sa thải Đạo giáo và Phật giáo.

5. Vua xuống chiếu sa thải Phật giáo, Đạo giáo:

Tháng năm vua hạ chiếu nói:

“Thích-ca lấy việc xiển dương đạo lý thanh tịnh làm đầu, lia xa trần cấu, trừ khử tham dục, vì thế hoàng dương thắng nghiệp gieo trồng căn lành, dẫn dắt kẻ ngu mê cứu độ người ngu muội. Do đó diễn bày kinh giáo, kiểm thúc Tăng đồ, tẩy rửa thân tâm, trừ khử hoặc nhiễm, y phục uống ăn đều cấp cho tứ chúng. Từ khi Đại Giác thị tịch, đạo pháp

lưu hành, nhưng về sau ngày một suy vi, dần dần khuyết tổn phát sinh những kẻ tham tàn tự cho mình cao quý. Những kẻ dốt nát, hồ đồ gàn gỏi vua quan, tự tiện cạo đầu, mượn cơ xuất gia, tham lam không chán tham cầu không thôi. Đến nỗi ra vào nơi làng xóm, đi khắp chợ búa, đồn chứa sản vật, tích chứa của cải, lấy việc cày cấy, dệt vải để kiếm sống, lấy buôn bán làm sự nghiệp. Việc làm như thế tục, dấu tích như người thường, bước tới thì trái với giáo luật, bước lui thì trái với lễ nghĩa. Hoặc có kẻ làm nghề trộm cướp, khoét vách đục tường, giao du với kẻ điều ngoa, kết giao với bọn dối trá. Có kẻ bị pháp luật gia hình, thì trốn chạy tội nặng, làm điểm nhục chân như, làm bại hoại diệu pháp. Những kẻ đó chẳng khác nào cỏ dại hại lúa mạ, như bùn đất làm đục nước trong. Đất già lam vốn được gọi là chỗ ở thanh tịnh, là nơi gửi gắm tâm mình, đúng lý phải vắng lặng thanh tịnh. Gần đây có rất nhiều chùa, tinh xá lập lên, không tìm những nơi thoáng mát nhàn tĩnh, chỉ tìm đến chỗ ồn ào tạp nhạp, kiến trúc ngổn ngang, trang trí lòe loẹt, chiêu nạp những kẻ lẫn trốn, dung chứa bọn gian tà. Có người gàn gỏi với lân bang, thân cận với đồ tể, bụi trần đầy nhà, tanh hôi đầy đường, duy trì cái tâm khinh bạc, thiếu mất cái nghĩa cung kính.

Vả lại, họ Lão giáo hóa vốn thật rỗng rang, để chí trong vô vi, lìa tình với mọi vật, bảo toàn chân thật, giữ lấy mối đạo, đúng là huyền môn. Những kẻ chạy theo việc đời càng trái với tông chỉ. Trẫm nay trị nước, hưng long giáo pháp, đặt chí suy nghĩ trong lợi ích, để tình trong việc hộ trì, muốn cho ngọc đá được phân biệt rõ ràng, vàng thau không lẫn lộn, bảo tồn diệu đạo, duy trì phước điền, chấn chỉnh lại đạo mầu nên cần phải sa thải. Những Tăng, Ni, Đại sĩ nếu chuyên cần tu tập, giữ đúng giới luật thì mời về ở hết trong chùa, quan cung cấp đầy đủ vật thực. Những người không tinh tấn tu hành không có giới đức, không đáng được cúng dường thì phải bỏ đạo hoàn tục cho về làm ăn. Quan lại sở thuộc nắm rõ phép tắc, cốt phải làm đúng giáo pháp. Những kẻ chống đối đều phải bắt hết. Trong kinh thành chỉ giữ lại ba ngôi chùa Phật, hai ngôi quan thự cho Đạo giáo. Ngoài ra mỗi châu chỉ giữ lại một ngôi, còn lại phá hết”.

Ngày bốn tháng sáu, Tần vương đem binh trong phủ bình định nội loạn. Cao tổ phong Tần vương làm Hoàng Thái tử giao phó việc quân việc nước, đại xá thiên hạ. Trước khi xuống chiếu sa thải Đạo giáo, Phật giáo, Cao tổ đã nhường ngôi tự xưng là Thái Thượng hoàng. Thái tử lên ngôi ở Đông cung, đó là Thái Tông.

6. Thái Tông:

Thái Tông Văn hoàng đế tên là Thế Dân, con thứ của Cao tổ, tính tình nhân hậu hiền lương, khinh tài trọng nghĩa. Vào cuối đời Tùy ông khởi nghĩa binh. Cao tổ nói với ông rằng:

“Phá nhà mất thân cũng do may, đổi nhà thành nước cũng do may”.

Nhà Đường được hưng nghiệp đều do công của Thái Tông.

Vũ Đức thứ chín, Thái tử Kiến Thành, Tề vương Nguyên Kiệt chết. Tháng tám ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trinh Quán, ông chế lễ làm nhạc tuyển chọn người hiền, cùng công khanh đại thần bàn việc nước. Ăn sâu bọ để chĩnh đón mùa màng, ân đức của ông cao dày như thế. Ông dùng những người hiền tài như Ngụy Trưng, Lý Tĩnh, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối làm tướng văn, Uất Trì, Kính Đức, Lưu Văn Tĩnh làm tướng võ, ông trị vì hai mươi ba năm.

7. Vua hỏi quần thần điểm khó dễ trong việc cai trị:

Vua thử dài nói với quần thần:

- Sau lúc đại loạn trị quốc sao mà khó thế này.

Ngụy Trưng thưa:

- Trị đại loạn như đổi thức ăn cho kẻ đói.

Vua nói:

- Người xưa không nói: “Người giỏi làm vua, một trăm năm sau mới dẹp bỏ bạo tàn”.

Trưng nói:

- Đó không phải là lời của thánh triết. Thánh triết trị thế tiếng vang dội khắp, bởi vì không khó.

Bộc xạ Phong Đức Di nói:

- Không đúng, thời Tam đại loạn lạc ngày một nhiều, Tần nắm pháp luật, Hán tự tiện xưng bá. Họ đều muốn trị thế nhưng không được, đó chẳng phải trị không được mà là không muốn trị. Thử sinh họ Trưng thích bàn việc suông làm loạn quốc gia không đáng nghe.

Trưng nói:

- Ngũ đế Tam vương không thay đổi dân mà là dạy họ. Hành đế đạo thì làm đế, hành vương đạo thì làm vương, cần nên xem lại việc làm của mình như thế nào. Hoàng đế đánh với Xi Vương, bảy mươi năm mới dẹp được cái loạn đó, khiến đất nước thái bình. Cửu Lê làm loạn, Hiên Viên chinh phạt, sau đó diệt được, đất nước thịnh trị. Kiệt làm loạn, Thang diệt trừ. Trụ vô đạo, Vũ đánh dẹp. Thang, Vũ làm cho đất

nước thái bình, làm cho muôn dân dần dần không còn nổi loạn. Nay chỉ là bọn quý mị, lễ đâu không giáo hóa được ư?

Đức Di không đáp được, nhưng vẫn cho rằng không làm được.

Vua rất đồng tình nói:

- Trưng nói đúng.

Hôm khác vua mời Phó Dịch vào cung ban cho thức ăn rồi nói:

- Phật đạo vi diệu, thánh tích đáng bậc thầy, vả lại báo ứng rõ ràng, vô cùng linh nghiệm nhưng ông chẳng tỏ ngộ được lý này là tại sao vậy?

Phó Dịch đáp:

- Phật là người thông thái ở Tây phương, lừa dối Di Dịch. Khi vào Trung Quốc những người tôn chuộng đạo này đều là những kẻ tà kiến ngu dốt, sao chép những lời lẽ nhiệm mầu của Trang Lão để tô điểm cái yêu mị xằng bậy của mình, thật chẳng có lợi ích gì cho quốc gia, làm thương hại đến bá tánh.

Vua ghét những lời ấy nên không trả lời. Từ đó về sau vua chẳng đoái hoài gì đến Phó Dịch.

Kỷ Sửu: Phóng thích ba ngàn cung nữ.

8. Vua ra sắc lệnh dựng chùa để siêu độ những kẻ chết trận:

Tháng bảy sâu bọ hại lúa. Tại Thượng uyển, vua bắt con trùng và nói:

- Dân nhờ lúa thóc mà sống, nhưng người hại lúa tức là hại dân ta. Bá tánh lâm nguy chỉ do một mình người, người có linh thì ăn thịt trăm chỗ có hại dân ta.

Vua định nuốt, tả hữu sợ vua bệnh liền xin nuốt thay. Vua nói:

- Các ông sợ ta bệnh, nhưng làm gì có bệnh mà sợ.

Vua liền nuốt trùng. Từ đó đến cuối đời của vua, trùng không hại lúa nữa.

Mùa đông năm ấy, vua hạ chiếu: “Nhà Tùy vô đạo, chín châu điêu linh, trăm đích thân xuất binh chinh phạt. Khi ấy hào kiệt anh tài, già trẻ binh lính tuân tiết vì nghĩa. Họ đều tuân mệnh vua chết vì nghĩa thật đáng khen. Ngày qua tháng lại cũng đã rất lâu, sợ rằng ở nơi chín suối họ mãi trầm luân, ở trong tám nạn, mãi chịu cực hình. Việc ấy ta cứ canh cánh trong lòng không sao ngủ yên, vì vậy muốn làm phước điền cứu tế oan hồn cho họ. Từ khi khởi nghĩa đến nay, phạm những nơi giao binh chiến trường, nghĩa sĩ bỏ mình hung đồ chết trận, đều phải dựng chùa để siêu độ họ, mong rằng tống pháp đánh lên biển bình hỏa

thành sen xanh, kinh kệ vang lên thay khổ hải thành thành cam lộ. Quan lại định đoạt nơi chốn cùng dựng chùa thỉnh mời chư Tăng, tu bổ chùa viện, thi hành hoàn tất những điều trăm nêu để thỏa được lòng thương tiếc, bi ai của trăm.”

Đồng thời vua sai Ngu Thế Nam, Lý Bá Lạc, Chử Toại Lương, Nhan Sư Cổ, Sầm Văn Bản, Hứa Kính Tông, Chu Tử Xa lập bia viết bài Minh để ghi công trạng của họ.

Canh Dần: Vua cấm hình phạt đánh vào lưng.

Tháng mười, vua xả ngục tha hai mươi chín người tử tội. Phía Đông, phía Nam kéo đến biển, phía Tây giáp đến núi, phía Bắc đến tận biên ải, ban đêm không đóng cửa, dân buôn không nộp thuế, dân nhật của rơi thì để trên đường, gạo ba tiền một đấu, thiên hạ được thái bình. Man Di Quân cả đêm đội y mão vác đao tuần thú. Vua rất vui bảo với quần thần:

- Đó là hiệu nghiệm mà Ngụy Trưng đã khuyên trăm thi hành nhân nghĩa, rất tiếc Phong Đức Di không được thấy. Ta nhớ lại lúc mới bình định thiên hạ, chính ta đã giết hơn ngàn người không kịp để họ hưởng thái bình.

Vua bèn đến chùa cúng thí, nhờ chư Tăng sám hối bạt độ cho họ.

Tân Mão: Vua hạ chiếu cho Tăng Ni lạy cha mẹ.

Nhâm Thìn: Thả bốn trăm tử tù cho về nhà.

9. Huyền Trang sang Tây Thiên cầu pháp:

Năm thứ bảy, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang sang Tây Thiên cầu pháp. Sư họ Trần sinh ở Yến sư. Cuối đời Tùy, Sư xuất gia và thọ giới Cụ túc, học thông kinh luận. Sư than: “Đời trước dịch kinh phần nhiều lầm lẫn”.

Sư quyết chí qua Tây Thiên tìm cầu những bản kinh khác để tham khảo đính chính. Mùa đông năm thứ ba, Sư dâng biểu từ giã vua nhưng vua không cho đi, Sư đành trốn đi. Từ Nguyên châu, Sư ra khỏi Ngọc Quan rồi đến Cao Xương. Vua Cao Xương là Khúc Văn Thái giúp đỡ và hộ tống ngài đến Kế Tân. Tại đây sư theo Luận sư Tăng-già học Câu-xá, Nhân Minh, Đại Tỳ-bà-sa luận... Đến nước Đại Lâm, Sư theo Bà-la-môn học Trung luận và kinh điển của những đạo khác. Thời ấy, Bà-la-môn này đã hơn bảy trăm tuổi. Đến nước Bộc Để, Sư theo Pháp sư Phục Quang học Đối Pháp Tông luận, Hiển Lý Môn luận. Đến nước Na-già-la theo Luận sư Nguyệt Trụ học Chúng sự phần Tỳ-bà-sa. Đến nước Lục-lặc-na theo Tam tạng Xà-na-quật-đa học kinh bộ Tỳ-bà-sa và

Tát-bà-đa Bộ Biện Châu luận. Đến nước Khúc xà sư theo Tam tạng Tỳ-da-tê-na học Nhị Tỳ-bà-sa. Vua nước này có hơn mười vạn hùng binh cai quản cả Tây Vực. Sư cùng hơn tám mươi thương nhân người Hồ vượt Hoàng hà. Tập tục xứ này bắt người tế trời, Sư cùng những người lái buôn đều bị bắt. Thấy Sư phong độ dị thường, họ muốn giết để tế. Ngay lúc ấy, gió lớn nổi lên, cát bụi mịt mù che tối trời đất, bọn họ khiếp sợ cho Sư là Thánh nhân bèn thả.

Sư đến Thiên Trúc gặp Đại thừa Cư sĩ khai giảng cho sư nghe Du-già Sư Địa. Sư vào thành Vương Xá, vua dân ở đây biết Sư đến liền sắm lễ ra tận biên giới đón thỉnh Sư về ở tại chùa Na-lan-đà. Chùa này làm bằng bảy thứ báu, Tăng chúng có đến mười ngàn người. Sư yết kiến Luận sư Giới Hiền, lúc ấy Luận sư đã một trăm lẻ sáu tuổi, là bậc thầy về đạo đức ở Thiên Trúc với hiệu là Chánh Pháp Tạng. Quốc vương dùng tô thuế của mười thành để phụng cúng ngài. Sư bày tỏ ý nguyện cầu pháp của mình, Giới Hiền rơi nước mắt nói:

- Lúc ta bị bệnh gần chết, bỗng mộng thấy Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi bảo ta: “Ông không nên vội lia trần thế, sau ba năm nữa, nước Chấn Đán có đại Sa-môn theo ông học đạo”.

Từ đó đến nay đã ba năm rồi. Ngài vui vẻ nhận Sư, dạy đạo vì cho rằng ứng với túc duyên.

Sư yết kiến quốc vương, quốc vương cung cấp cho sư voi, xe và ba mươi người tùy tùng. Ngày ngày cung cấp món ăn vật lạ, trong thức ăn có long não, sữa thơm, tô mật và gạo thượng hạng. Mùi thơm của gạo này lan xa đến một trăm bước, nhưng trong nước vốn không có nhiều, chỉ có quốc vương, hoàng hậu và pháp chủ mới dùng. Sư ở lại nước này theo Chánh Pháp Tạng học hỏi nghiên ngẫm diệu lý Đại thừa. Sở học của Sư ngày càng siêu việt.

10. Vua ban sắc lệnh để tang Pháp sư Huyền Uyển:

Tháng mười năm thứ chín, Pháp sư Huyền Uyển thị tịch tại chùa Diên Hưng. Bình sinh Sư dâng biểu trần tấu:

“Thánh đế thưởng phạt công minh, Tam bảo không còn kẻ lạm dụng, nhưng Sa-môn phạm pháp không nên xử đồng với người dân, xin giao cho Tăng chúng để dùng luật của Tăng trị. Đồng thời sư dâng An Dưỡng luận, Tam Đức luận mỗi bộ một quyển. Vua hoan hỷ tiếp nhận. Lúc mất, vua hạ chiếu chia buồn, sai hoàng Thái tử đến phúng điếu, lệnh cho quan hữu ty cung cấp đồ an táng. Đời Đường có sắc lệnh an táng Sa-môn khởi nguyên từ Sư.

11. Vua xuống chiếu độ Tăng Ni dựng chùa:

Tháng mười một, vua hạ chiếu:

“Tam thừa quy hướng tế độ làm đầu, Bá Tánh quy y Từ bi nêu trước, biển trí tuệ tuôn trào thấm nhuần cả quần sinh, dọn sạch rừng phiền não, dẫn dắt khắp hàm thức, theo nguồn chân nhập đạo, lý hợp đến nhân từ, quả vi diệu nhân thù thắng, sự hợp với tích thiện. Trẫm kính trọng như Kim luân, quý như Bảo mạng. Những lời huấn thị chí đức, không ai không suy nghĩ; phép tắc của đại Thánh xa gần đều tỏ rõ, muốn cho người người tránh được tai ương, nhà nhà thêm phước thọ. Nhân duyên mai một, Tăng chúng ít dần, đài hoa tháp báu không người bảo quản, từng biếc sen xanh ngã trong mưa gió, đạo lý điêu linh, lực dụng hoại tàn. Các châu quận trong thiên hạ nơi nào có chùa cần phải độ Tăng Ni nhiều nhất là ba ngàn người. Các châu rộng hẹp, có người Hoa người Di hóa độ nhiều ít do quan Hữu ty định đoạt nhưng phải là người có đức hạnh cao sáng. Những người xưa kia bị ép hoàn tục cùng những đệ tử tại gia nếu đức hạnh xứng đáng cũng được liệt vào trong ba ngàn người đó. Nếu như nhiều hơn thì tùy nghi thêm bớt. Trong đó nếu có nhiều Tăng Ni chạy theo thói tục hoặc dựa vào quỷ thần truyền bá những thứ yêu mị hoặc tự xưng là đồng cốt, mượn đạo để cầu lợi, hoặc hủy hoại thân mình để làm khiếp sợ kẻ ngu, hoặc hay đến quan lại nhận trao hối lộ, những người đó là tổn hoại Thánh giáo. Trẫm tuy là người hộ trì nhưng cũng cần phải tra xét kỹ. Từ nay lệnh cho qua sử ty dựa vào sáu điều luật kiểm xét kỹ càng rồi trình lên trẫm.

12. Thái tử hỏi Trương Sĩ Hành về việc thờ Phật:

Năm thứ mười, hoàng Thái tử hỏi Trương Sĩ Hành rằng:

- Thờ Phật cầu phước hiệu nghiệm thế nào?

Hành đáp:

- Thờ Phật cốt phải thanh tịnh, khoan dung nhân từ. Nếu như tham lam kiêu ngạo, dù dốc hết tiền của thờ Phật cũng không làm với được cái họa. Vả lại, thiện ác có báo ứng như bóng theo hình. Lời dạy của Thánh nhân thật hoàn bị, làm cho vua sáng suốt, làm bề tôi trung thành, làm cho con hiếu thảo. Được vậy thì vận nước lâu dài, bằng không thì họa tất đến.

Lúc ấy, Thái tử có ý phản nghịch cho nên Sĩ Hành nhân đó dạy bảo ông ta luôn.

13. Vua xuống chiếu cho Đạo giáo đứng trước, Phật giáo đứng

sau:

Vua xa giá đến Lạc kinh, hạ chiếu:

“Lão quân lập giáo, nghĩa tại thanh hư, Thích-ca giáo huấn, lý trong nhân quả. Tìm đến giáo pháp ấy, thì phương tiện dẫn dắt khác nhau, luận về tông chỉ thì sự lợi ích cũng không đồng. Nhưng đạo lớn hưng thịnh bắt nguồn từ xa xưa. Ra đời khi chưa có tên gọi, vượt hẳn cái vô hình, hướng gì quốc gia tôn thờ trước. Thế nên Đạo giáo ở bên phải Thích giáo. Từ đây về sau thiết cùng, xếp hàng cứ thế mà làm. Nam nữ Đạo sĩ đứng trước Tăng Ni, ngõ hầu trở lại phong tục đời xưa, làm rạng rỡ chín châu để lại cho muôn đời”.

Sa-môn ở Kinh ấp, cật lực can gián nhưng quan hữu ty không chấp nhận. Bấy giờ có Sa-môn Trí Thuật, là Hiền tăng của đất Lạc, phong độ khôi ngô, giỏi cả ngoại điển nội điển. Ngài dẫn những vị cao đức theo xa giá đến cửa khuyết dâng biểu tâu. Đại khái nói:

“Tăng chúng tôi nghe rằng cây Tang cây Du gần đây mới có trong thời thái bình, hình dáng giống cây Bồ cây Liễu được trồng trong thời vua sáng suốt. Trộm nghe cha có người con hay cãi, vua có bề tôi hay kiện. Thật tôi tuy là người xuất gia, nhưng vẫn còn ở trong hàng tôi con, sợ mạo phạm nên không dám trình bày thẳng, xin được dâng thư.

Quốc gia hưng thịnh vốn từ trong cung điện, di phong của tổ tông nằm trong sử sách, ban bố khắp thiên hạ không điều gì mà không hợp. Nay Đạo sĩ ở trên Tăng Ni, trở lại cái lễ lối nhà Chu lễ đầu thần không can gián. Lão quân lập giáo trị nước trị nhà, y phục áo mào đều chẳng thay đổi, không lập quán vũ, không lãnh đồ chúng ở trong cung để bảo chân núp đức vua mà dưỡng tánh. Nay bọn đạo sĩ không theo phép ấy, mặc áo đội mào đều là bọn khăn vàng, chứ không phải là hậu duệ của Lão Tử, thực hành quỷ thuật Tam Trương, bỏ điều lý trong năm ngàn lời đồng với bọn Trương Lăng đọc tụng chương tiếu. Từ nhà Hán đến nay, họ thường dùng đạo ma quỷ để giáo hóa muôn dân, vọng mượn con cháu của Lão quân nhưng đích thị là hậu duệ của Tá Đạo. Nếu ở trên Tăng Ni thì quả thật nước nhà cùng dòng với họ, thương tổn đến cách trị nước”.

Sư đem đạo kinh, sử sách Hán, Ngụy, những việc Phật trước, đạo sau dâng hết cho vua. Vua phục tài học hỏi của sư sai Tể tướng Sầm Nghi Bồn xuống chỉ dụ đuổi sư đi. Sư quyết chí không phụng chiếu, vua nổi giận dùng trượng đánh sư ở trước triều đuổi về làm thường dân đày đi Lãnh điếu. Sau sư mất thọ ba mươi tám tuổi. Khi sư mới bị bắt tội có người chê Sư không biết lường được mất. Sư nói:

- Ta vốn biết chiếu chỉ đã ban hành không thể thay đổi, vì thế mới phản đối.

Đó là muốn cho đời sau biết Đại Đường có Tăng. Ai nghe cũng đều thán tiếc.

14. Vua ban sắc lệnh bảo Ngụy Vương Thái tế Ngụy Thế Nam:

Năm thứ mười hai, Thượng thư Ngụy Thế Nam mất. Vua tự tay viết cho Ngụy Vương Thái rằng:

- Ngụy Thế Nam với ta như một, cùng nhau bàn luận chưa có lúc nào tạm quên, đương thời quả đúng là bề tôi nổi tiếng, ta có lỗi gì, ông ấy đều không ngần ngại chỉ lỗi cho ta. Nay ông ấy mất đi, trong Thạch Cừ Đông quán không có người thứ hai. Thật đau đớn mẩn tiếc!

Không bao lâu vua làm bài phú vãng Đại Hưng Vong Thì than:

“Chung Tử Kỳ chết Bá Nha không đánh đàn nữa. Bài thơ này của trẫm biết đọc cho ai nghe”.

Vua sai Chử Toại Lương đem bài thơ đến linh trường của Thế Nam đọc xong rồi đốt, hy vọng thần thức của ông ấy cảm nhận được.

Năm sau, vua mộng thấy Ngụy Thế Nam về nói chuyện với mình như lúc còn sống. Nhân đó vua xuống chiếu:

“Cổ lễ bộ Thượng Thư Văn Ý Công Ngụy Thế Nam đức hạnh hoàn bị, văn chương tài hoa bình sinh hết lòng, vẹn toàn trung hiếu, giáo hóa mọi người nổi tiếng một thời. Đêm qua ta nằm mộng gặp lại người này cùng ta nói chuyện như lúc bình sinh. Lòng ta nhớ nghĩ thương xót người này, nên lập đàn cầu phước để tỏ lòng thương nhớ của ta”.

Rồi vua lập đàn trai giới ngay tại nhà ông ta để cúng dường năm trăm Tăng chúng và đúc một pho tượng Phật.

15. Vua hạ chiếu cho luận nghị về Tam giáo:

Tháng tám, vua triệu tập Tam giáo đến điện Hoàng văn để luận nghị về tinh hoa của mỗi giáo. Đạo sĩ Sái Tử Hoảng hỏi Pháp sư Tịnh rằng:

- Kinh Pháp Hoa nói phẩm Tựa thứ nhất, chưa rõ Tựa thứ nhất khác nhau như thế nào?

Tịnh đáp:

- Như Lai nhập định phóng hào quang hiện điềm lành mượn cái xa để hiển bày cái gần, phá nhị chấp mở bày lý nhất chân đó gọi là Tựa. Thứ có nghĩa là ở, nằm ở đâu đó Nhất là mở đầu, cho nên nói phẩm Tựa thứ nhất là vậy.

Hoảng hỏi tiếp:

- Thứ nghĩa là nhỏ hơn, đã nhỏ hơn thì không thể gọi là Nhất, nói Nhất thì không thể gọi là thứ. Hai nghĩa ấy mâu thuẫn nhau, làm sao gọi chung được.

Tịnh nói:

- Trước tôi đã nói Thứ nghĩa là ở, nằm ở đâu đó, Nhất là mở đầu, ông không hiểu được nghĩa làm sao gạn hỏi người khác.

Hoảng mờ mịt với những từ ngữ khúc chiết ấy, Tịnh thừa thế biện bác, Hoảng hổ thẹn bỏ đi. Tịnh rất thân với Phòng Huyền Lệnh rất được Thái Thường Chủ Lượng kính ngưỡng. Có lần Lượng nói với mọi người:

- Tịnh không kết giao với quan lại, đặt chí trong văn chương, ông ấy thật là người siêu xuất trên đời.

Đến khi Tam tạng Ba-phả-na-la, người Thiên Trúc dịch Đại Trang Nghiêm luận, vua mời ngài làm bút thọ. Đồng thời sai Triệu Quân vương Hiếu Cung, Đảm sự Đổ Chánh Luân cùng giám hộ.

16. Tuệ Lâm bị gièm pha:

Năm thứ mười ba, Phương sĩ Tần Thế Anh gièm pha Pháp sư Tuệ Lâm viết luận hủy báng hoàng tộc. Vua có chiếu chỉ bắt Tuệ Lâm. Tuệ Lâm liền cỡi Tăng phục tự trời đến xin chịu tội. Vua hạ chiếu chỉ nói:

“Căn cứ luận của ông, có người niệm Quan Thế Âm, lúc hành hình chẳng bị tổn thương”. Nay xét kỹ ông đáng tội chết. Gia hạn cho ông bảy ngày, ông gắng sức niệm mong rằng đến lúc hành hình ông tự tránh được”.

Lâm nhận chiếu chỉ nhưng chẳng niệm danh hiệu gì cả. Sau bảy ngày, vua xuống chiếu hỏi:

“Ngài niệm Quan Âm cảm ứng như thế nào?”

Ngài đáp:

- Nhà Tùy mất thiên hạ, bốn biển bị điêu linh, bệ hạ làm yên đất nước, đạo hợp với sinh linh. Trong bảy ngày qua, Lâm này không niệm Quan Âm mà chỉ niệm bệ hạ.

Vua nghi ngờ lời ông, bèn sai Ngự sử Vi Tông hỏi ngài tại sao lại niệm vua, ngài đáp:

- Quan Âm là bậc Chí thánh hiện hình trong sáu đường, trên trời dưới đất ai nấy đều mong được cứu giúp. Bệ hạ làm vua, muôn dân đều hoan hỷ, chính trị rất sáng suốt, xét việc thật tỏ tường, sáng suốt ngang bằng Quán Âm cho nên thần chỉ niệm bệ hạ. Hơn nữa, Lâm tôi dốc chí

hoàng dương pháp môn của Phật để giúp vua trị thế, hy vọng muôn dân sợ báo ứng, sợ hình phạt mà xa lìa việc ác. Lâm này mong muốn không hết lễ đầu phủ báng bệ hạ ư. Bệ hạ xem những việc làm của Lâm này không sai trái, tất bảo rằng ông ấy đến lúc hành hình thì tự tránh được. Còn như bệ hạ chỉ tin lời sàm tấu, thì Lâm này phải chết mà không có đất chôn thối.

Vy Tông tâu hết với vua, vua xuống chỉ miễn tội chết cho ngài và đày đi Ích châu (Pháp sư viết Biện Chánh luận tám quyển, rồi chết trong lao tù ở đất Thục). Sau đó không lâu Thái Thế Anh cũng bị tru di).

Canh Tý: Vua ấn định lễ phục cho chị dâu, chú, cậu và cháu ngoại.

17. Pháp sư Đổ Thuận của Hoa Nghiêm Tông: (Canh Tý)

Pháp sư Đổ Thuận của Hoa Nghiêm tông mất vào năm này. Sư họ Đổ, pháp danh là Pháp Thuận (còn gọi là Đổ Thuận), người ở Trường An, Vạn niên. Sư sinh vào đời Trần, niên hiệu Vĩnh Định thứ hai. Thiếu thời được Tùy Văn đế kính ngưỡng, thường cấp bổng lộc. Người nào bị bệnh, Sư dạy họ ngồi thẳng, chỉ lát sau bệnh liền khỏi. Có người sinh ra bị điếc, Sư gọi họ tới nói chuyện với họ, người ấy liền hết điếc. Có người sinh ra bị câm, Sư gọi họ đến nói chuyện, người ấy liền nói được. Có người bị chứng điên cuồng, Sư bắt họ ngồi thiền, bệnh điên liền khỏi hẳn, người ấy lạ tạ rồi đi.

Có lần Sư qua suối, thị giả sợ không dám lội, Sư nắm tay dẫn qua, nước liền ngưng không chảy. Những việc thần kỳ của sư đại loại như thế, nhưng Sư bỏ hết chẳng hề lưu tâm. Sư thấu triệt tông chỉ Hoa Nghiêm, vua rất kính trọng sư có lần mời vào cung cấm, quan lại trong triều, kẻ quyền quý trong làng thờ sư như Phật sống. Sư soạn Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn. Đệ tử của Sư có ngài Trí Nghiễm được truyền tông chỉ.

18. Phó Dịch bị báo ứng:

Mùa thu năm thứ mười bốn, Phó Dịch bị bạo bệnh rồi chết. Trong Minh Báo ký ghi:

“Hồi ấy Phó Dịch, Phó Nhân Quân, Tiết Tích cùng làm chức Thái sử, Nhân Quân chết trước. Trước đó Tích nợ Quân năm ngàn tiền nhưng chưa trả, đêm nằm mộng thấy Quân về đòi nợ.

Tích hỏi:

- Số tiền ấy nên giao cho ai?

Quân nói:

- Giao cho Nê Nhân (tù khổ sai).

Tích hỏi:

- Nê Nhân là ai?

Tích đáp:

- Đó là Phó Dịch.

Đêm ấy, Phùng Trường mệnh Thiếu phủ cũng mộng thấy như vậy. Ông còn thấy có rất nhiều người đã chết bèn hỏi họ kinh Phật thật hay giả. Họ đáp: Thật.

Ông hỏi: Phó Dịch hủy báng Phật pháp sẽ chịu quả báo gì?

Họ đáp: Bị đày đi Việt Châu làm tù khổ sai”.

Trường Mệnh và Điện Đình kể lại cho Tiết Tích nghe. Tiết Tích cũng nói y như vậy. Lúc ấy có Đường Lâm đứng bên cạnh, Tích gửi tiền nhờ Lâm đưa cho Phó Dịch và báo cho Dịch biết về giấc mộng ấy. Mấy ngày sau, Phó Dịch quả nhiên bị bạo bệnh rồi chết. Có người nói Phó Dịch bị đọa trong địa ngục.

19. Truyện về Thừa tướng Tiêu Vũ:

Tiêu Vũ tự là Thời Văn, con của Lương Minh đế, chín tuổi được phong làm Tân An vương, về sau nước Lương rơi vào tay nhà Tùy. Người phi của Tấn Vương là chị của Vũ. Ông làm quan rất giàu có. Có lần ông bị bệnh nhưng chẳng chịu mời thầy thuốc chỉ tin vào thiên mệnh. Ông than:

- Ta chừng này tuổi rồi mà vẫn còn trốn chui ở đây.

Tấn Vương lên ngôi, chị ông làm Hoàng hậu. Nghe ông than thờ bèn gọi đến trách cứ cho rằng ông không chịu làm quan nhỏ, về sau ông hết bệnh được phong làm chức Nội sử thị lang, do hay nói thẳng nên bị Dạng đế ghét. Nước Tùy loạn, Vũ ra làm quận thú ở Hà Trì. Đường Cao tổ lên ngôi, gọi thư triệu ông về, ông giao nộp quận và được phong làm Tổng công, giao cho việc cơ mật. Vua không gọi tên ông mà chỉ gọi là Tiêu lang. Gia thế ông nhiều đời làm quan to. Từ Vũ đế đến nay đều thờ Phật rất tinh tấn. Con cháu ông về sau, thờ Phật còn tinh nghiêm hơn nữa. Thái tông lên ngôi mời ông làm tướng. Vua nhiều lần giao việc cơ mật cho ông, ông đều thi hành hoàn bị. Có lần Tiêu Vũ xin vua độ Tăng, vua đồng ý. Ông liền độ Tăng nhưng không được đành thôi. Ông thờ hai triều vua tổng cộng năm lần làm tướng, thọ bảy mươi bốn tuổi. Tiêu Vũ tánh tình trung hậu, dù không giàu có nhưng lại giỏi văn

chương, thông Nho học. Bọn Liễu, Cố đều khâm phục tài ông. Đường sử viết về ông rằng:

“Họ Tiêu nhà Lương khởi binh từ Giang tả thật có công với muôn dân, trọn không có tâm ác, liêm khiết mà chết. Thế nên cơ nghiệp và con cháu Tiêu Vũ về sau tám đời là Tể tướng, danh đức đều vẻ vang. Nhà Đường thịnh suy, thế gia thịnh trị, xưa nay chưa từng có ai như ông”.

20. Vua xa giá đến chùa Hoàng Phước: (Tân Sửu)

Tháng năm, năm thứ mười lăm vua xa giá đến chùa Hoàng Phước, mời Đại đức Đạo Ý cùng năm người khác ban chỉ dụ dựng chùa để truy niệm Sùng Mục Thái hậu. Vua nói xong thì khóc. Ý và bọn tả hữu đều bùi ngùi làm theo. Vua tự viết sớ và cúng hai trăm tấm lụa. Vua tự xưng là Hoàng đế Bồ-tát giới đệ tử. Lễ hồi hướng xong, vua quay lại nói với Đạo Ý rằng:

- Trước đây ta tôn sùng Lão Tử nên để họ đứng trước, các khanh có hận ta không?

Đạo Ý nói:

- Tổ tông của Bệ hạ tôn sùng rồi thành lệ, Ý tôi nhờ ân nước che chở, an tâm tu học. Chiếu chỉ ban xuống ai nấy vui mừng, ai dám hận!

Vua nói:

- Tôn kính tổ tông, coi trọng người thân là phép thường của mọi người, cho nên ta đề cao Khổng Tử để phân biệt thân sơ, chứ không phải ta không để tâm đến Phật. Từ khi dựng nước đến nay chưa từng xây cơ sở Đạo giáo. Bao nhiêu công đức đều quy về cho Tăng. Dù ngày trước cử binh lâm trận tất không khỏi cậy uy giết càn, nhưng nay ở khắp chiến trường ta đều dựng chùa thờ Phật, đến như Thái Nguyên, Cự Đệ cũng đều tôn sùng Phật pháp. Trẫm để tâm như thế, các khanh nghĩ thử được chưa.

Đạo Ý cùng năm người đứng liền dậy lễ tạ. Vua nói:

- Đừng thế! Đó là ý của trẫm, không nói thì ai biết được. Hiện nay thời tiết nóng bức, tự viện lại chưa hoàn bị, trẫm xin cấp tài vật tạo dựng riêng một tự viện để chứa kinh, đồng thời để Tăng chúng an tâm hành đạo.

21. Quốc chủ nước Kỳ La ngưỡng mộ Thánh giáo của vua Đường:

Năm thứ mười sáu, Pháp sư Huyền Trang rời khỏi thành Vương Xá vào nước Kỳ La. Quốc vương ra biên giới đón ngài rồi hỏi:

- Nước có Thánh nhân xuất thế làm Tiểu Tần vương phá trận, xin ngài cho biết người ấy thế nào?

Ngài Huyền Trang bèn thuật lại việc Thần Vũ bình định thiên hạ thi hành chính sách vua Nghiêu, vua Thuấn. Kỳ La vương thất kinh liền quay về phía Nam lạy nói:

- Đương triều ta cũng thi hành chánh sự giống như nước của thầy vậy.

Huyền Trang nhân đó đưa quốc vương xem Chế Ác Kiến luận do mình soạn. Quốc vương khâm phục khen:

- Bộ luận này ra đời chẳng khác nào mặt trời đã sáng nay càng xán lạn.

Rồi quốc vương cung cấp cho ngài voi ngựa để ngài chở kinh về nước.

22. Nguyên Châu xuất hiện đá quý, ghi điềm lành của nước: (Quý Mão)

Vua họa vẽ tượng công thần treo ở lăng Yên các.

Ngày bốn tháng tám, trong hang núi Hồng Trì ở Tùng Xương, Nguyên châu bỗng xuất hiện năm phiến đá màu xanh có hoa văn màu trắng kết thành chữ. Trong ấy nói:

“Cao Hoàng đế sinh rất nhiều con. Lý Nguyên vương trị vì tám mươi năm, thiên tử Lý Thế Dân trị vì một ngàn năm, Thái tử Lý Trị ban ân khiến nhân sĩ ở Yên Sơn an vui. Đại quốc chúa thượng văn võ toàn tài, nhân trùm cổ kim. Đại vương, Ngũ vương, Lục vương, Thất vương đều là những người phong lưu tài tử.”

Trong đó còn ghi lại bảy Phật, tám Bồ-tát và những thiên tử văn võ được lên quả Phật. Trong năm Trinh Quán, vương nghiệp đại thịnh, bốn phương thái bình, tám hướng làm lành.

Thái tử Nguyên Châu tâu về triều. Ban đầu những chữ đó hiện ra không rõ lắm. Đến khi quần thần nghị định, những chữ ấy mới hiện rõ. Tháng mười một, vua đến Nam giao, xuống chiếu sai sứ đem ngọc lụa đến núi Hồng Trì cúng tế tạ rằng:

“Từ khi thiên tử nối ngôi, vận nước xương minh, vua trị muôn huyện, quên ngủ quên ăn lo việc trị nước, đạo đức lễ nghĩa còn kém người xưa. Trời đã phó mệnh hiện điềm phù hợp, chữ nghĩa rõ ràng, mệnh trời nối mãi. Đã nêu cao tổ nghiệp của vương triều, lại ghi rõ vận mệnh của kẻ mọn này cùng với Hoàng Thái tử. Lại giáng điềm lành, ghi đủ dòng họ Lý trên phiến đá. Ngưỡng xem những minh quân đời

Hán, những công thần vô danh, kẻ hèn nhìn lại mình càng thêm hoảng sợ. Dám xin đem đại lễ, ngọc lụa hiến dâng, lễ tạ những tiền nhân linh thiêng để bày tỏ sự chân thành sợ hãi của kẻ hèn.

23. *Huyền Trang mang kinh về triều:* (Át Ty)

Tháng giêng năm thứ mười chín, Pháp sư Huyền Trang chở kinh tượng về đến Kinh sư. Lưu Thủ Phòng Huyền Lệnh đón ngài mời về chùa Hoằng Phước, rồi dâng biểu tâu với vua. Ngày Nhâm Thìn ngài vào Đông đô. Tháng hai, ngài yết kiến vua tại điện Nghi Loan. Vua hỏi:

- Thầy đi sao không báo cho trẫm biết?

Ngài đáp:

- Lúc sắp đi, thần ba lần dâng biểu xin, chắc do thần tâm nguyện không chí thành nên bệ hạ không hứa khả. Nhưng thần tha thiết mộ đạo, nên đành trốn đi. Tội chuyên quyền ấy thần vô cùng hoảng sợ.

Vua nói:

- Thầy xuất gia khác hẳn với thế tục. Lòng xả thân cầu pháp, làm lợi ích muôn dân làm trẫm thấy vô cùng vui mừng, nên chẳng có gì thầy phải sợ cả. Nhưng nghĩ đến núi sống cách trở, đường xá xa xôi, phong tục cũng khác, ta chẳng hiểu tại sao thầy vẫn đến được.

Ngài đáp:

- Thần nghe hễ vật gì nương gió lốc, dù đi khắp trời đất mà chẳng thấy xa. Người nương thuyền rồng dù đi khắp sông biển mà chẳng thấy khó. Từ khi bệ hạ lên ngôi, làm yên bốn biển, đức phủ chín châu, nhân trùm tám hướng. Thuần phong quạt mát đến viêm cảnh, thánh uy chấn động vượt thông lãnh. Thế nên quân trưởng của xứ Nhung, Di mỗi lần thấy con chim bay lượn trên trời cao từ hướng Đông bay đến, vẫn nghi là vũ cánh từ nước ta, họ chấp tay cung kính, hướng gì thần là người thay thế bao người, thừa ân giáo hóa. Đã nhờ uy trời, cho nên đi về không khó.

Vua nói:

- Đó là lời của trưởng giả, trẫm đâu dám nhận.

Nhân đó vua hỏi ngài nào là cảnh vật, vua quan, khí hậu, phong tục, sản vật, về dấu cũ của tám vương, về di tích của bảy Phật, về những gì chưa được lưu truyền, chưa được ghi chép từ Tuyết lãnh đến Tây Vực. Ngài vốn đã đi qua các nơi ấy, ghi nhớ vanh vách, vua hỏi đâu ngài đáp đó, thấy đều chính xác. Vua mừng rỡ nói:

- Thầy đã đi qua hơn một trăm nước, thấy biết tất cả phong tục núi

sông, thầy nên soạn lại Đại Đường Tây Vực Ký lưu truyền cho đời sau, lẽ đâu không nên sao.

Ngài phụng chiếu sắp lui, vua nói với thị thần:

- Xưa Phù Kiên tôn xưng Đạo An là bậc thần khí, cả nước đều tôn kính. Trẫm nay thấy Pháp sư ứng đối lưu loát, phong độ dị thường chẳng kém người xưa, thật dị thường còn hơn cổ nhân nữa.

Tư Đồ Trưởng Tôn Vô Kỵ đáp:

- Quả đúng như lời bệ hạ. Đạo An tuy là người hạnh cao học rộng, nhưng công lao hoằng pháp chắc chắn không như Pháp sư một mình ra khỏi nước, thảo luận những lẽ nhiệm mầu, nghiên ngẫm đạo lý siêu việt.

Bấy giờ vua chuẩn bị xa giá đi hỏi tội Cao Ly, nghe ngài về bèn cho triệu kiến ngay. Đến khi hỏi han thảo luận thì quên cả trời đã tối. Vua nói:

- Chuyện trò vội vàng như vậy chưa thổ lộ hết nỗi niềm của trẫm. Trẫm muốn cùng Pháp sư Đông chinh, chinh đốn lại phong tục, nhân lúc rảnh rỗi sẽ cùng Pháp sư hàn huyên, nói tiếp cho ta nghe, được không?

Ngài đáp:

- Thần mới đi xa về, hơn nữa đang bị bệnh, sợ không hộ giá nổi.

Vua nói:

- Trước đây thầy một mình còn đi đến được những nơi xa xăm ấy, còn bây giờ đi như nửa bước chân thôi, lẽ đâu lại từ chối.

Ngài đáp:

- Bệ hạ Đông chinh, sáu binh theo hầu, dẹp loạn trừ gian tất có công nơi chiến trường, để thần đi theo đã không giúp được gì lại càng vướng chân bệ hạ. Hơn nữa, Phật cấm Sa-môn không được xem hai bên giao tranh nơi chiến trường. Mong bệ hạ lượng xét.

Vua vui vẻ đồng ý và không ép ngài nữa. Nhân đó ngài tâu vua số kinh luận mang từ Tây Vực về cả thảy sáu trăm năm mươi bảy bộ, xin được đến chùa Thiếu Lâm ở Tung sơn vì đất nước mà phiên dịch.

Vua nói:

- Trẫm mới dựng chùa Hoằng Phước để cầu phước cho Mục Thái hậu, nơi ấy vô cùng thanh tịnh, thầy có thể đến đó phiên dịch, cần những gì cứ bàn bạc với Huyền Lịnh.

Ngài tâu tiếp:

- Bá tánh không biết, thấy thần đi xa về tất đến xem coi, chẳng may ảnh hưởng đến công việc, hoặc có điều gì không may xảy ra, nên thần xin được quan Giám môn cùng đến đó đề phòng bất trắc.

Vua cười nói:

- Đó gọi là “Kế phòng thân không thể không có” vậy.

Vua bãi triều từ biệt ngài, đồng thời ban chiếu chỉ sai các quan đến giám hộ.

24. Huyền Trang dâng kinh mới dịch, mời vua viết lời tựa: (Bính Ngọ)

Tháng bảy năm thứ hai mươi, Pháp sư Huyền Trang dâng vua xem những bản kinh mới dịch như Bồ-tát Tạng kinh, Lục Môn Đà-la-ni kinh, Hiền Dượng Thánh giáo luận, Đại Thừa Tạp Tập luận gồm tổng cộng năm bộ, năm mươi tám quyển, và xin vua viết lời tựa cho Thánh giáo.

Vua viết sắc lệnh từ chối rằng:

“Khảo xét sử sách cần phải có ý chí thanh cao. Pháp sư từ lâu đã là người nêu cao đức hạnh, thoát khỏi trần ai, cưỡi thuyền báu lên bờ bên kia, tỏ diệu đạo rồi mở phương tiện, hoằng dương lý mầu, diệt sạch tội lỗi. Trẫm là người vụng về ít học, với mọi việc vẫn còn mù mờ, hướng gò mối huyền của Phật đạo, lẽ đâu có thể khen ngợi, viết tựa cho Thánh giáo. Đó là điều trẫm chưa từng nghe”.

Ngài lại dâng biểu xin nữa, ngài nói:

“Thần cúi phụng sắc chỉ, hổ thẹn khi bị hạ khen. Thần chỉ phụng lời của bệ hạ tinh tấn giữ mình. Đạo hạnh của thần với Phật đạo vẫn còn sơ sài, yếu kém. Tăng lữ may mắn ra khỏi chín phái, bốn biển yên lòng vì nhờ hoàng ân chinh phạt những nước xa. Thần nhờ uy của đất nước mà hỏi đạo, trải bao khó khăn nhưng đó là động cơ thúc đẩy cho sự thành tâm của thần. Thần được mở rộng tâm mắt đều là nhờ ân vua, kinh điển tìm về cũng được bệ hạ cho phép phiên dịch. Nay đã dịch xong cũng cần phải có bài tựa cân nhắc. Thần cúi xin bệ hạ cho chút trí tuệ, trải xuống hoa trời, làm cho nghĩa lý rõ ràng điều chỉnh những sai lầm để kinh luận đều sáng tỏ, nêu cao thanh danh của ngàn đời, kiềm thúc lệch lạc của trăm vương. Trộm nghĩ thần lực vô cùng, không phải cái thấy biết của người sáng suốt thì không nêu tận được diệu lý. Thánh giáo nhiệm mầu sâu xa, không phải người sáng suốt bình phẩm thì làm sao nêu tỏ được cội nguồn. Thế nên thần mạo phạm thánh uy dám mong bệ hạ hạ bút. Mắt vua sáng ngời chẳng lầm khi xét việc, trong lòng trong sạch, xin vua bỏ ý định trước.

Trang tôì nghe: “Mặt trời mặt trăng sáng rõ, ánh sáng chiếu soi nơi ngạch cửa, sông suối bao la, nước thấm cả núi non. Mây lành giăng bủa chẳng ngại gì với người điếc câm, vàng ngọc tuôn ra, lẽ đâu ngại

ngừng với người mù lòa”. Thần dám dựa vào lý này ngàn lần cầu xin, cúi mong bệ hạ gia ân, vãn trời chiếu xuống, để hợp với lưỡng nghi cùng trường tồn, khế với nhị diệu cùng mẫu nhiệm. Được vậy thì, những lời u huyền trên non Thửu nhờ bút thần mà lan ra, những lý thâm sâu nơi vườn Kê nhờ thánh văn mà phô diễn, đâu chỉ có Tăng lữ được nhờ đó hiển vinh, mà người mê trong nước này cũng thoát khỏi trần lụy”.

Vua đọc xong đồng ý viết lời tựa.

25. Lời sấm ký Nữ chúa thay vua trị vì thiên hạ:

Đình Mùi: Dựng cung Thúc vi ở chung Nam sơn.

Năm này vua nhận được bài sấm ký, trong ấy nói:

“Từ đời thứ ba của nhà Đường về sau, Nữ chúa vũ vương sẽ thay vua trị vì thiên hạ”.

Vua liền ngầm triệu Thái sử Lệnh Lý Thuần Phong vào hỏi việc này. Phong đáp:

- Thần theo thuật tính xem, thì điềm này đã có lâu rồi, nay đang ở trong cung của bệ hạ. ba mươi năm nữa người này tất được thiên hạ, giết sạch con cháu nhà Đường.

Vua nói:

- Hễ nghi người nào thì giết người ấy, được không?

Phong đáp:

- Mệnh trời không thay đổi được. Vả lại bậc chân vương thì không chết, mà chúng ta chỉ giết những người bị nghi thành ra giết lầm những người vô tội. Nay người ấy đã ở trong cung, đã là quyến thuộc của bệ hạ. ba mươi năm nữa cũng phải già suy, mà già thì tâm lại từ bi. Nếu đổi họ của người ấy may ra con cháu của bệ hạ không đến nỗi tuyệt tự, còn như giết đi người ấy cũng sẽ tái sinh, lúc đó lại trẻ trung tráng kiện thâm độc khôn lường. Hơn nữa nếu gây thù, thì con cháu bệ hạ tất chẳng còn ai sống sót.

Vua khen lời của Phong và thôi không nghĩ kế giết.

26. Vua khuyên Huyền Trang bỏ đạo ra làm quan: (Mậu Thân)

Tháng sáu năm thứ hai mươi hai, vua ngự trong cung Ngọc Hoa, triệu Pháp sư Huyền Trang vào và nói:

- Trẫm ở kinh thành nóng bức nên ngự ra cung này. Ở đây đá sỏi mát lạnh, làm sức lực khỏe lên nhưng vẫn nhớ Pháp sư nên dời gót đến đây, thành thử đi đường cũng lao nhọc.

Huyền Trang tạ ơn, nói:

- Lê dân bốn biển đều dựa bệ hạ mà sống, Thánh thể bất an thì bệ tôi cũng thấy lo lắng. Nay loan giá đến đây xin bệ hạ tùy nghi. Hễ là hàm linh thì không ai khỏi bệnh. Thần cầu mong bệ hạ mãi mãi an khang, thọ ngang trời đất. Thần là kẻ thấp kém quê mùa, chẳng hay có việc gì mà nhọc đến Thánh thể xa giá đến?

Vua thấy ngài đức hạnh cao vời, nghi dung đẹp tuyệt thế, muốn ngài bỏ đạo cùng mình lo triều chánh, nên nói:

- Xưa Tam vương, Ngũ đế không ai không lấy việc trị nước an dân là việc chính của mình đó là lẽ đương nhiên chẳng thể thay đổi. Thế nên nhà Chu nhờ mười loạn thần, vua Thuấn nhờ năm bề tôi, họ cùng làm rạng rỡ ngôi vua, vỗ yên lân quốc. Sở dĩ họ thịnh trị là nhờ vậy. Còn trăm nay đức mỏng trí cạn lại chẳng có những bề tôi tài giỏi. Ý trăm muốn Pháp sư bỏ đạo ra làm quan, cùng trăm lên đại để bàn mưu, ngồi sân Hòe mà luận đạo, ý Pháp sư thế nào?

Ngài đáp:

- Huyền Trang này là người thấp kém xin nghe theo minh chiếu. Nhưng Tam hoàng, Ngũ đế anh quân kia không thể một mình trị nước, mà phải nhờ bề tôi tài giỏi cùng bàn mưu mới thành, đó là bệ hạ khiêm nhường mà nói như vậy, chứ kỳ thật thì không phải thế. Vì sao? Vì nếu cho rằng có bề tôi tài giỏi là trị được nước, vậy Kiệt, Trụ, Bá, Linh lẽ đâu nhờ bề tôi. Theo đó mà xét thì chẳng phải hoàn toàn không có bề tôi. Cúi xin bệ hạ minh giám. Một người có kỷ cương thì muôn việc đều trật tự, hưởng gì vận nước đã yên, trời đất thái bình, trong ngoài yên ổn, đó đều nhờ bệ hạ không bỏ phép, không kiêu căng, không xa xỉ. Việc trị nước vẫn canh cánh trong lòng bệ hạ, dân yên mà mình chẳng yên, dân an mà mình vẫn lo nghĩ. Bệ hạ nhận mệnh trời làm lành như vậy là tột cùng rồi, còn ai can dự vào nữa.

Thần xin được tỏ bày ngọn ngành: Bệ hạ ngang dọc tám phương đánh đuổi hào kiệt, dẹp yên mối loạn, đề cao hòa bình, thông minh mẫn tuệ, nghi dung sáng ngời, là trời ban chứ đâu mượn người khác, đó là một.

Bệ hạ lấy gốc bỏ ngọn, tôn sùng đức của Nho, thay đổi thói hư của tập tục, chánh sự thuần thiện như thời thượng cổ, trọng thi phú hơn sắc lệnh, dùng sử sách hơn dùng hình, chín châu bốn biển ghi nhớ không quên, ân vua rưới khắp, mọi nhà yên vui, ấy lại là đại tâm của Thánh nhân giáo hóa chứ đâu nhờ người khác, đó là thứ hai.

Bệ hạ gần thì thông đạo lớn, xa thì hợp với nhân từ, Đông thì qua đến Nhật vực, Tây thì bước tới Côn châu, Nam thì đến tận Viêm châu,

Bắc thì đến tận Huyền tặc, đổi thay tục ăn uống, chuyển hóa cách trang phục, ai nấy đều đợi gió mong mưa, cúi đầu quỳ lạy, dâng hiến bảo vật, cống nạp đất đai, ấy là nhờ uy trời mà có, chứ đâu nhờ người khác, đó là ba.

Bệ hạ lên ngôi, cái họa của rợ phương Bắc liền tự yên. Đó là việc mà Ngũ đế xưa kia không cấm được, Tam vương không kiềm được, khiến cho sông Vị, sông Hà thành đồng hoang gai góc, làm cho đất Phong đất Cảo thành chiến trường đao binh. Trung Quốc hỗn mang, Hung nô hùng mạnh, từ thời Ân, Chu đến nay chưa thể diệt trừ. Phải đến Hán Vũ dùng hết binh hùng tướng mạnh, nhưng chỉ mới chặt phá cành nhánh chứ gốc rễ vẫn còn. Từ đó về sau vẫn không nghe đến kế sách hay. Bệ hạ lên ngôi, chinh phạt thì diệt tận, lấp ổ phá hang chẳng còn dấu vết. Những dải đất mệnh mông bao la ấy đều tiếp nhập với vương triều, họ đâu chỉ cung cấp những người bắn cung cưỡi ngựa, mà còn cống hiến cả thần, thiếp. Nếu nói do người khác, thì từ Nghiêu Thuấn đến nay hiền thần phụ chánh rất nhiều, sao không lấy được? Vì thế mà biết hễ người có đạo đức thì được chứ đâu nhờ người khác, đó là bốn.

Caio Ly là nước nhỏ thất lễ với thượng quốc, Dạng đế đã đem hết binh lính trong nước chinh phạt đến ba lần, nhưng đánh thành chẳng nát được nửa cục đất, sĩ tốt cũng chẳng được lấy một người, làm tổn thất sáu binh lính tử mà về. Đến khi bệ hạ xuất chinh đem mấy vạn kỵ binh mà đã đập đổ thế trận vững như bàn thạch, phá sạch thành kiên cố, giống trống khải hoàn, cầm tù hơn ba mươi vạn. Dùng binh khiển tướng nào có khác đâu? Nước Tỳ thì thua, nhà Đường lại thắng, thế mới biết là do người chủ, chứ nào phải nhờ vào ai khác, đó là năm.

Đất trời thái bình, trời trăng tỏ rõ, hòa khí ngát trời, mây lành giăng khắp. Năm diềm hiện rõ, chỉ một người tài, sói trắng hồ trắng, nhận đồ cỏ đỏ, rõ ràng khắp nước cả ức cả ngàn không sao đếm hết. Tất cả đều ứng đức mà đến, đâu nhờ kẻ khác, đó là sáu.

Thế mà bệ hạ lại muốn tử dụ rằng tiên vương nhờ công của mười loạn, thần trộm nghĩ vì bệ hạ không dám nhận công lao mà thôi. Còn như hiền tài, thì ngày nay những người như Y, Lữ đâu phải là ít.

27. Huyền Trang dâng biểu từ chối, nguyện trọn đời hành đạo:

Huyền Trang tôi là kẻ ngu muội đâu đủ tài trí để tham dự chánh sự. Còn như giữ đúng luật Tăng, xiển dương chánh pháp mới là sở nguyện chân thành của thần. Cúi xin bệ hạ nhân từ đừng ép buộc thần.

Vua mừng rỡ nói:

- Những điều thầy vừa nêu là phước linh của tiên vương và công lao của khanh sĩ hào kiệt trong tông miếu chữ trẫm làm gì xứng đáng. Thầy đã muốn xiển dương diệu đạo, không muốn làm trái với chí nguyện của mình thì đành thôi vậy.

Trung thư lệnh Chủ Toại Lương nói:

- Ngày nay bốn biển lắng trong, chín châu yên vui đều nhờ đức của bệ hạ, thật đúng như lời Pháp sư đã nói.

Vua cười nói:

- Không phải vậy đâu! Áo Hồ cừu đâu phải chỉ lấy lông của một con, ngôi nhà to lớn tất có nhiều cây gỗ làm thành, một mình vua giáo hóa làm sao được. Vì muốn bảo toàn tiết tháo của mình nên Pháp sư đã ca ngợi trẫm quá mức thôi.

Nhân đó vua hỏi ngài dịch được những bộ kinh nào rồi, ngài đáp:

- Du-già Sư Địa luận.

Vua nói:

- Thầy nói rõ nội dung được không?

Ngài đáp:

- Bộ luận này do Bồ-tát Di-lặc soạn, trong ấy nói về nghĩa của mười bảy địa.

Vua hỏi:

- Thế nào là mười bảy Địa?

Ngài đáp:

Đó là: Lục thức tương ứng địa. Hữu tầm hữu tứ địa. Vô tầm duy tứ địa. Vô tầm vô tứ địa. Tam ma hy đa địa. Hữu Tâm địa. Vô tâm địa. Văn sở thánh địa. Tư sở thành địa. Tu sở thành địa. Thanh văn địa. Độc giác địa. Bồ-tát địa. Hữu dư y địa. Vô dư y địa.

Đó là mười bảy Địa. Đồng thời ngài nêu chính yếu, diễn bày đại nghĩa. Vua nghe thích thú vô cùng, liền sai đem bộ luận này nhập vào cung cả thấy một trăm quyển. Vua xem kỹ, thông suốt những nghĩa lý nhiệm mầu trong đó, khác hẳn với những gì mình từng nghe biết. Vua nói với thị thần:

- Trẫm xem những bộ kinh luận mà Pháp sư mới dịch, giống như ngắm trời nhìn biển, chẳng có thứ gì cao sâu bằng. Trước đây việc nước bề bộn chưa có thời giờ nghiên ngắm, từ nay về sau ta đã biết được nguồn tông thật minh mông. Nhìn lại chín phái của Nho gia, phương hướng của họ vẫn còn lênh đênh, phạm vi mới như hồ, bể mà thôi.

Nhân đó vua lệnh cho Hữu ty tuyển chọn những bí thư, những sách được sao chép, những kinh luận mới được dịch, mỗi thứ chín bộ giao

cho tổng quản của chín phái triển chuyển lưu hành, mong những danh sĩ chín phái cùng được thấy nghe những đạo lý nhiệm mầu chưa từng được nghe đó.

Tư đồ Trường Tôn Vô Kỵ, Trung thư lệnh Chử Toại Lương tâu:

- Phật pháp thâm sâu, trời người không lường, gốc của lời nói thì quá thâm sâu, cửa ngõ của ngữ ngôn thì khó vào. Cúi xin bệ hạ khai mở đạo mầu, phát huy chí đạo, dạy dỗ phương xa, giáo hóa nước gần, ủng hộ năm thừa, dựng lập Tam bảo. Pháp sư là người thông thái lại khôi ngô, bậc siêu xuất của ngàn đời, đã phải chịu bao hiểm nguy để cầu pháp, trải qua bao gian nan để học đạo, lấy thân bảo thay đổi thói tục, tìm cầu đủ chân kinh đem về phiên dịch. Còn như Duy Thức học là thuyết mới được nghe, văn chương tinh tế nghĩa lý lại u huyền, như mới được nghe từ kim khẩu của Phật. Những thứ đó đều nhờ thánh đức của bệ hạ chiêu cảm. Bọn thần ngu muội, trước cũng từng nghe: Biển khổ sóng to, muốn qua phải nhờ thuyền bè, hướng gì ngày nay thiên ân trải rộng trùm khắp chín châu, khiến cho lê dân ngu muội đều thừa hưởng diệu pháp. Bọn thần cũng ức kiếp vui lây, chẳng gì may mắn bằng.

28. Vua viết lời tựa cho Tam tạng Thánh giáo:

Tháng sáu, vua soạn xong bài tựa cho Đại Đường Tam tạng Thánh Giáo. Vua ngự tại điện Khánh Phước, bá quan văn võ đứng hầu. Vua mời Pháp sư Huyền Trang lên điện, ban cho bảo tòa. Lệnh cho Hoàng Văn Quán học sĩ Thượng Quan Nghi tuyên đọc bài tựa trước quần thần. Lời lẽ bài tựa thanh cao, sáng rõ như gấm tán thán tuyên dương thánh giáo hết lời. Trong ấy viết:

“Từng nghe Lương nghi có tượng, hiện để che chở hàm linh, bốn mùa vô hình ẩn trong nóng lạnh để đổi thay vạn vật. Vì vậy nhìn trời ngấm đất, người ngu muội đều biết được đầu mối. Thấu âm tỏ dương, thì dù hiền triết vẫn ít ai biết tận được số lượng. Thế nhưng trời đất bao hàm âm dương nhưng lại dễ biết vì nó có tượng. Âm dương ở trong trời đất nhưng lại khó thấy vì nó vô hình. Nên biết tượng hiển rõ ràng dù kẻ ngu cũng không nhầm lẫn, hình ẩn khó thấy dù người trí nhưng vẫn mê mờ. Hướng gì Phật đạo rộng rang, nương cái u huyền, kéo cái vắng lặng, hóa độ muôn người, kinh điển có khắp mười phương. Nâng cái uy linh lên nhưng không cao, đè cái thần lực xuống nhưng không thấp. Lớn thì trùm khắp vũ trụ, nhỏ thì trong đầu sợi lông, không diệt không sinh, dù trải qua vạn kiếp nhưng không cổ xưa, dù ẩn hay hiện trải ngàn đời nhưng vẫn mới tinh. Diệu đạo u huyền, lần theo nhưng chẳng biết được

bờ bến, dòng pháp vắng lặng, lần tìm chẳng biết đâu là nguồn cội. Mới hay phàm phu ngu xuẩn, những hạng mê mờ đặt tâm vào chỉ thú ấy có thể không nghi ngờ ư. Thế nhưng đại giáo khởi nguyên từ Tây độ, Ma-đăng giải mộng cho Hán Minh ở bệ rồng, từ đó dòng pháp chảy tràn sang Đông độ.

Ngày xưa, thuở còn chia năm xẻ bảy, chưa buông lời nhưng đã thành nề nếp, nay thì đất nước thái bình, dân ngưỡng mộ đức mà tuân theo, thậm chí bỏ vọng về chân, thay đổi lễ nghi, vượt xa thời thế. Sắc vàng rực rỡ đâu chỉ tỏa sáng trong ba ngàn hào quang, thân tượng sáng ngời đâu chỉ hạn hẹp trong ba mươi hai tướng. Bấy giờ lời lẽ vi diệu phủ trùm, cứu hàm linh trong Tam đồ, di huấn tuyên dương dẫn chúng sinh lên Thập địa. Thế nhưng chân giáo khó noi, đâu thể dễ dàng kết quy về một, cái học quanh co dễ tìm, nhưng tà chánh rất khó phân định. Bởi vậy bàn về có, không hoặc theo thế tục rồi thị phi, Đại thừa, Tiểu thừa, bỗng theo thời mà hưng phế.

Huyền Trang Pháp sư là bậc thầy của pháp môn, từ nhỏ vốn đã trong sạch minh mẫn, sớm đạt ngộ tâm của ba không, lớn lên khế hợp với tình thoát tục, sớm thực hành hạnh của bốn nhẫn. Cái phóng khoáng thanh thoát của tùng, gió, nước, trăng không đủ để sánh với cái trong sạch thanh cao của ngài; thì tiên, cam lồ, minh châu lẽ đâu sánh bằng cái đức khoáng đạt, bao la của ngài sao. Thế nên trí thông thì không lụy, tình thoát thì không chấp, vượt hẳn khỏi sáu trần, siêu xuất cả ngàn xưa. Để tâm trong nội cảnh, thương chánh pháp chẳng tiếc thân, để ý trong huyền môn, xót vắn sâu vì nhầm lẫn. Đó là muốn phân tích rõ ràng, mở rộng những thấy nghe từ trước, dứt ngại tiếp chân, khai mở lý mầu cho hậu học. Thế nên thoát tâm sang Tịnh độ, vãng du qua Tây Vực, một thân chịu khổ, một mình lặn lội, tuyết trắng phủ dày lấp cả lối đi, sa mạc hoang hôn chẳng thấy trời đất, muôn dặm núi sông theo khói mây mà bước tới, ngàn trùng lạnh nóng nường sương móc mà đi. Trong sự chí thành quên cả mệt nhọc, tâm cầu thiết tha sở nguyện thành tựu. Ngài chu du Tây thiên đến mười bảy năm, đi khắp đó đây tìm cầu chánh giáo. Song lâm, Bát thủy ý đạo ngập tràn; Lộc uyển, Thấu phong mở rộng tầm mắt, thừa hưởng đạo mầu từ tiên thánh, thọ nhận chân giáo nơi Thánh hiền, cứu xét diệu môn, nghiên ngẫm diệu nghĩa. Đạo của Nhất thừa, Ngũ luật đều tuôn chảy vào đất tâm; văn của Bát tạng, Tam khiếp (ba hòm kinh) cưỡi sóng về cửa biển. Ngài vân du khắp các nước, mang về những áng văn cốt tủy của ba tạng cả thấy sáu trăm năm mươi bảy bộ, dịch rồi ban bố khắp Hoa Hạ, xiển dương nghiệp lành, dẫn mây lành

từ Tây Vực về tuôn mưa pháp xuống Đông độ. Thánh giáo khuyết rồi lại đầy, tội của chúng sinh lại chuyển thành phước; tươi mát sức nóng hừng hực trong nhà lửa, cứu khắp kẻ mê; làm lặng yên cơn sóng hôn mê đang cuộn cuộn trong nước ái, đồng lên bờ giác. Thế mới hay, ác do nghiệp mà đọa, thiện nhờ duyên mà siêu. Nguồn gốc đọa hay siêu là do con người tạo tác. Thí như cây quế mọc trên núi cao, nhưng tuyết sương vẫn không làm phai hương của nó, hoa sen mọc trong bùn lầy nhưng bụi trần chẳng mảy may ô nhiễm lá, hương. Chẳng những tánh của hoasen vốn sạch mà bản chất cây quế cũng vốn thơm. Thế nên chỗ dựa cao, thì vật nhỏ chẳng làm hệ lụy, điểm tựa sạch thì nhơ nháp chẳng làm nhiễm ô. Đến như cỏ cây là vật vô tri nhưng chăm bón khéo léo thì thành quả khéo léo, hướng gùi con người có tình thức, nhưng chẳng duyên cái vui lại đi tìm cái vui, nên mới lưu bố kinh này để chúng sinh có nơi nương tựa, nêu tỏ cái vô cùng của trời trăng, phước này vô biên vĩnh cửu bao la như trời đất. Vì thế trăm ngự bút viết bài tựa nhằm điểm xuyết cho những bộ kinh mới dịch”.

Pháp sư Huyền Trang dâng biểu tạ:

“Lục hào u huyền vẫn hạn cuộc trong vòng sinh diệt, chánh danh của trăm vật chưa ra khỏi cảnh của chân như. Xa thì xét đến thư tịch của Phục Hy, chỉ thấy nó u huyền mà không lường được sức thần của nó; gần thì nghĩ đến điển tịch của Hiên Viên chỉnh sửa nhiều đời cuối cùng sáng tỏ. Thần kính trọng nghĩ đến bệ hạ, long ngọc giáng chất Thánh Vương ngự trời, mở rộng chín châu của tiên vương, lấn áp cả trăm ngàn mặt trời mặt trăng, ban bố ích lợi cho mọi nơi, thâu nạp hàng hà sa thế giới, khiến cho tinh xá Cấp cô độc chảy vào hết nước ta, kinh sách linh văn đều tuôn trong phủ tạng. Xưa thần chấn tích nhờ học hỏi ở Quật sơn, trải qua muôn dặm đều nương thánh uy mà dò bước. Chẳng đợi đến ngàn đời mà đến Song lâm nhanh như trong khoảng bữa ăn, sưu tầm ba tạng, thấu tận diệu lý dưới Long cung, nghiên cứu Nhất thừa, thấy suốt diệu chỉ trên Linh thứu. Thần đã ghi chép ở chùa Bạch Mã đem về dâng lên Thánh thượng, và sau được Thánh thượng hạ chiếu cho phiên dịch. Cái thấy biết của thần trái với Long Thọ, nhầm lẫn hổ thẹn trong cái rõ ràng của Truyền Đăng; tài của thần khác với Mã Minh, thật xấu hổ với người thông thái trong văn pháp. Kinh luận dịch ra lại lằm lằm rất nhiều, may nhờ uy trời để tâm viết cho bài tựa. Văn thì vượt ra giáo điều tầm thường, lý thì bao quát các cửa ngõ vi diệu. Chợt nghe những lời nhiệm mầu này như đích thân được nghe Phạm âm, thần khôn xiết vui mừng như nghe lời thọ ký, thật không sao bày tỏ hết”.

Vua hạ chiếu đáp:

“Tài của trẫm thua kém danh nhân văn hay chữ tốt, lời của trẫm thật thẹn với người học rộng nghe nhiều, còn như nội điển thì lại càng chưa được nghe. Hôm qua trẫm viết bài tựa, thật hổ thẹn vì văn từ quê kệch, khúc mắc, chẳng khác nào vấy mực trong thẻ ngọc, lượm gạch đá trong rừng châu. Chợt nhận được thư mới hay mình nhận cần lời khen tặng, quay lại xét mình lại càng thấy thẹn. Thật chẳng khen hết, xin tạ sông thần vậy”.

29. Thái tử viết tiếp lời tựa cho Thánh giáo:

Khi ấy Hoàng Thái tử thấy vua viết bài tựa, bèn soạn thuật Thánh ký. Pháp sư dâng biểu tạ. Vua lại xem Bồ-tát tạng kinh vừa được dịch xong, rất thích văn từ ý chỉ vi diệu trong ấy, nhân đó sai Hoàng Thái tử soạn lời bạt (hậu tự) cho kinh này. Trong ấy nói:

“Từng nghe: Hoàng đế Phục Hy là bậc chí diệu, nhưng cái tinh túy vẫn còn trong Quy văn, kể đến Hiên Viên là bậc thông thái nhưng diệu lý còn hạn cuộc trong Điều Triện. Khảo sát ẩn hiện trong Đan thư thì rất mờ mịt trong ngọn nguồn thật tế, nên chép rất nhầm lẫn, thật chẳng phải là cái đạo thường lạc. Hơn nữa sự phải sáng tỏ trong sử sách, bủa gió thơm khắp tám hướng, đức phải hợp với sinh linh, nổi sóng cao cho muôn đời. Cúi mong bệ hạ vận chuyển bánh xe pháp, sự giáo hóa dần hợp với vườn Kê, điện ngọc buông lời, thần giao hòa với Linh thứu, tổng thâm Điều Ngự trong danh hiệu, đâu phải văn tự tư duy nhìn thấy, nêu tận Bát-nhã trong diệu ngôn, chẳng phải vật tượng đoán định được. Vì vậy giáo sâu rộng bao la đều truyền cái âm Bát giải; huấn thì bao trùm vũ trụ đều vượt trên cái quỹ đạo của Tứ thiên. Nhờ vậy mà làm cho tam thiên thế giới đều có ở đây trăm ức Tu-di vẫn thường hiển hiện. Dòng nước đức ở Ni liên chảy tràn vào ao đầm trong cung cấm, am vườn ở Xá-vệ nối tiếp vườn rừng trong cung vua. Dù rằng pháp tánh rộng rang vắng lặng nhưng hễ cảm tất thông, chân thừa sâu kín, không lý mâu nào mà chẳng nêu cao. Vì vậy Đại thánh ngự thế thì dẫn dòng pháp đến vô cùng, Năng Nhân ứng thân thì dựng trụ đá đến vô tận. Thế vốn đủ đầy chẳng thể nghĩ bàn, so với cái đẹp của tiền vương, thì đâu thể nói cho cùng tận.

Từ khi dựng nước, đất đai còn hạn hẹp trong bờ cõi. Chấn Đán chưa phát huy, linh văn vẫn còn ẩn. Đến Hán Minh ngầm cảm, gửi mộng trong Huyền Tiêu, đời Tấn chí thành thì kinh điển chất đầy trong Bạch Mã. Cái biết như dòm trong ống lỗ đâu thấu đạt bến bờ của bốn

biển, cái thấy như ngấm trong bầu lẽ đầu cùng tận cái yên áo của bảy diêu. Bao la thay! Hoàng linh xiển dương thì uy vững như Thiết vi, chí thánh hoàng hóa thì đức chắc như kim cương. Hằng sa quốc độ phủ trùm khắp áo mào, mở cửa giải thoát bước trên đường chân thật. Văn kệ bằng Phạm ngữ ở Long cung đều tụ tập trong tịnh thất, lời văn kinh kệ trên lá bối ở Nghê khổng đều tụ về trong phủ tạng, ban rười cam lồ thấm nhuần cỏ cây, giăng bủa mây lành khắp loài cầm thú. Đó chẳng phải là nghiệp thù thắng để về nường, không phải cảm ứng linh diệu của nền chính trị sáng suốt đầy ư.

Bồ-tát tạng kinh là yếu chỉ nghĩa tông của bậc Đại Giác. Phật tu đạo này mà chứng vô sinh, Bồ-tát thọ trì mà lên ngôi Bất thoái. Đây là cửa ngõ trọng yếu của sáu pháp Ba-la-mật, là sức mạnh căn bản của tứ Vô lượng tâm, là cây cầu để qua bờ bên kia, là thêm thang để lên ngôi chánh giác.

Trong niên hiệu Trinh Quán, nước Thân Độc đã từng xiển dương rồi chảy tràn qua Nhiệt Pha, lấn dần qua Huyền Độ. Thời ấy ngôn ngữ đã đồng, đường xá lại lưu thông, Pháp sư Huyền Trang chấn tích đi tìm. Ngài ra khỏi Ngọc quan đi mãi qua Nại Uyển đến được Thiên Trúc và tìm được kinh này. Ngài đem về dâng vua, vua hạ chiếu phiên dịch và nay đã dịch xong.

Nhân lúc rảnh rỗi sau khi vấn an vua, tôi để tâm trạng trong diệu pháp, thưa chỉ Hoàng thượng ngỏ lời tán dương, rồi nhờ Hữu ty chép vào cuối quyển”.

Từ đó lòng tin của vua ngày càng bền chắc, luận bàn diệu nghĩa chẳng lúc nào ngơi, luận bàn tâm đắc với Pháp sư, chưa lúc nào ngừng dứt, phàm y phục ngọa cụ vua nhiều lần xuống chiếu cung cấp cúng dường, đối xử với Pháp sư như người nhà.

30 Vua ban cho Huyền Trang ca-sa đính một trăm sợi vàng:

Tháng tám, vua ban cho ngài Huyền Trang y ca-sa có đính một trăm sợi vàng và dao cạo rất quý hiếm. Ngài dâng biểu tạ rằng:

“Áo nhần nhục màu hợp với hoại sắc, dao trí tuệ lưỡi bén hơn cả dao ngọc. Thần kính cẩn mặc áo này để hàng phục ma phiền não, mang dao này để cắt lưỡi trần lao”.

Từ khi đánh Liêu trở về, sức khỏe vua không được khỏe như trước, lại lo nghĩ đến muôn dân, đến khi gặp được Pháp sư, vua chuyên tâm trong Đạo giáo, nhờ vậy sức khỏe mau chóng bình phục. Nhân đó vua hỏi ngài:

- Muốn làm ích lợi cho pháp môn, trước tiên phải làm gì?

Ngài đáp:

- Chúng sinh mê muội, không có trí tuệ thì không khai mở được. Mâm trí tuệ phải nhờ giáo pháp vun bón, hoằng pháp độ sinh thì việc độ Tăng Ni là trên hết.

Vua nghe rất vui mừng.

Tháng chín, vua hạ chiếu:

“Nhà Tùy mất ngôi, thiên hạ loạn ly, bốn biển điêu linh, tám phương nghiêng ngã. Trẫm nhận mệnh phạt loạn, điều khiển binh nhung, ngày chịu phải phong sương, đêm ngủ trên lưng ngựa, thuốc thang không ngừng nhưng bệnh chưa khỏi hẳn. Từ khi gặp Pháp sư đến nay sức khỏe liền bình phục. Đó chẳng phải nhờ phước thiện đó sao. Nay trẫm hạ chiếu từ kinh thành đến các châu trong thiên hạ, mỗi chùa phải độ năm Tăng Ni (bấy giờ trong nước có hơn ba ngàn bảy trăm ngôi chùa, Tăng Ni đến hơn mười bảy ngàn người).

31. Vua hạ chiếu sáng lập viện Hoằng pháp để Huyền Trang ở dịch kinh:

Tháng mười, vua xa giá về Kinh sư, xuống sắc lệnh cho Hữu ty dựng điện Tử viên ở phía Bắc cửa cung, dựng viện Hoằng Pháp ở phía Tây nam và giữ ngài Huyền Trang trong thành nội. Ban ngày ngài cùng đàm luận đạo lý với vua, ban đêm về viện Hoằng pháp dịch kinh.

32. Vua hạ chiếu cho xây chùa Đại Từ Ân:

Tháng mười hai, Hoàng Thái tử dựng chùa Đại Từ Ân để cầu phước cho Hoàng hậu Văn Đức. Xây xong, vua xuống chiếu tuyển chọn năm mươi Đại đức danh tiếng trong kinh thành, mỗi vị độ thêm sáu người thị giả, cùng vào ở chùa này. Cùng trong tháng này, Thái tử sắm đủ năm mươi xe báu cung nghinh chư Đại đức. Đồng thời treo tràng phan dải lụa, cử nhạc thái thường, nhạc của Trường An, Vạn Niên, mời chư Tăng trong kinh thành cầm tràng phan tiếp rước chư Tăng, an trí kinh tạng và thụy tượng, xá-lợi tại chùa này. Vua ngự ở cửa lầu An Phước, tay bưng lò hương hết sức cung kính. Kinh tượng đi qua xong mới ngồi xuống, vua vô cùng vui mừng.

33. Vua hạ chiếu cho Huyền Trang hộ giá: (Kỷ Dậu)

Tháng tư năm thứ hai mươi ba, vua xa giá đến cung Thúy Vi, Pháp sư Huyền Trang đi theo xa giá. Mỗi khi đàm luận đến nghĩa uyên áo,

vua đều chấp tay khen:

- Trẫm chỉ hận gặp Pháp sư quá muộn, chưa bày tỏ hết ý nguyện hoàng pháp của trẫm.

Tháng năm vua không thiết triều, triệu Thái úy Trường Tôn Vô Kỵ, Trung thư lệnh Chử Toại Lương vào bên giường rồi dặn dò:

- Các khanh là bề tôi trung liệt, trẫm nhớ mãi không quên. Xua Hán Vũ ủy thác cho Hắc Quang; Lưu Bị dặn dò Gia Cát Lượng. Hậu sự của trẫm đều ủy thác hết cho các khanh. Thái tử là người nhân từ hiếu kính, các khanh phải hết mình phụ giúp Thái tử, duy trì vận nước.

Vô Kỵ... Cúi đầu rơi lệ. Vua cầm tay Thái tử dặn dò:

Vô Kỵ, Toại Lương còn sống việc nước con không phải lo.

Vua mất tại điện Hàm Phong, thọ năm mươi ba tuổi.

34. Bài tán và luận trong sử sách đời Đường:

Trong Đường Sử Tán ghi:

“Ôi! Vua anh minh không ra đời. Vua Vũ có thiên hạ truyền được mười sáu vua, nhưng Thiệu Khương mới trung hưng cơ nghiệp. Vua Thang có thiên hạ, truyền được hai mươi tám vua, mà thịnh trị nhất được gọi là Tam Tông. Vũ Vương có thiên hạ truyền được ba mươi sáu vua, nhưng Thành Khương mới thịnh trị, nêu cao công lao. Còn lại đều không đáng nói.

Tuy thi thư ghi chép vẫn có khi chỉ nêu sơ lược, nhưng ba đời đế vương tổng cộng hơn một ngàn bảy trăm năm, truyền hơn bảy mươi vị vua thì rất rõ ràng, đời sau nhìn vào liền biết nhưng chỉ biết đến sáu, bảy vị này mà thôi.

Than ôi! Có thể nói rằng thật khó. Nhà Đường có thiên hạ, truyền được hai mươi đời vua. Trong đó đáng nổi danh chỉ có ba vua, còn như Huyền Tông, Hiến Tông đều không có kết cuộc sáng sủa. Thịnh thay! Những người như Thái Tông, ông ấy dẹp trừ cái loạn nhà Tùy, công lao ngang với Thang, Vũ. Cái hay của việc trị chánh ngang bằng Thành, Khương. Những người có công, có đức lại thịnh trị như thời xưa, kể từ nhà Hán đến nay chưa từng có. Còn như ông ấy quá quy lụy, dựng lại phù đồ, ham công to nên phải nhọc nhằn mang binh đi xa. Đó là những việc làm thường thấy ở những người chủ tài năng bậc trung không mấy sáng suốt. Thế nhưng pháp chế của Xuân Thu thường trách cứ người hiền, đó cũng là cái hay để những quân tử đời sau muốn thành danh, nhưng không ai chẳng than tiếc.

Luận rằng: “Quân tử cho rằng lập ngôn thật khó, kỳ thật chẳng

khó, chỉ vì họ bị xấu tốt lừa dối mà thôi. Như Âu Dương Trung Công viết Thái Tông Bản Kỷ Tán, tuy văn phong sắc sảo, lời lẽ điệu kỳ, kiệt xuất các sử sách nhưng vẫn không tránh khỏi chê Thái Tông dựng lại phù đồ, ham công to nên nhọc nhằn mang binh đi xa, đó là việc làm của kẻ tài năng bậc trung, người chủ không sáng suốt.”

Tôi cho rằng Văn Trung trách cứ quá đáng, lại bị xấu tốt lừa dối. Trong thời Trinh quán, cơn trùng cỏ cây trong thiên hạ đều được ân trạch, đến như mặt trời, mặt trăng, sương móc, những nước vua đến đều rầm rập tuân theo, lập lại kỷ cương. Chỉ có Cao Ly là nước không tuân, trái mệnh làm phản, Thái Tông là người đạo đức cho ngàn năm, là minh chủ anh hùng lẽ đâu chịu ngồi nhìn, để mối lo lại cho con cháu, mà không nhờ đến chút tài kinh lược ư. Bởi vì uy đức ông ấy quá thịnh, cái thế tất nhiên phải làm như vậy, chứ không có gì gọi là ham công to.

Xưa Hoàng đế bình định Xi Vưu, đánh nhau đến bảy mươi năm mới dẹp yên mối loạn; Cao Tông đánh Quỷ Phương, ba năm sau mới bình định được. Thái Tông cử thiên binh thì Âm Sơn bình định, cất bước Đông chinh thì Cao Ly khuất phục. Nhưng Hoàng đế Cao Tông đến như Khổng Tử còn không dám chê trách, mà Văn Trung lại đi trách cứ một mình Thái Tông lẽ đâu không phải là trách cứ quá đáng? Thái Tông đức thịnh nghiệp lớn như vậy, mà vẫn còn bị chê trách thì sợ rằng quân tử sau này cứ lo làm sao khỏi bị chê chứ chẳng để tâm gì đến công danh. Văn Trung muốn đề cao, tôn chuộng việc ấy thật là uổng phí, mà chẳng biết làm như vậy là tự hủy hoại thanh danh của mình.

Còn như lập lại phù đồ là việc làm thuận với đạo hòa với đức, tâm ngang bằng trời đất quý thần, để cứu giúp thiên hạ, là việc làm vô cùng lợi ích cho người sau. Văn Trung cho rằng không đáng làm, có nghĩa là cho Thái Tông mê muội trong việc làm rồi. Giả sử Thái Tông mê muội thật, thì những người đương thời như Phòng, Đỗ, Vương, Ngụy theo vua hưởng lộc cũng là những người mê muội cả ư?

Có người nói:

- Văn Trung mền mộ con người Hàn Dũ nên không thể không nói như vậy. Than ôi! Văn Trung hẳn chịu được sao. Mền mộ một con người hủy Phật, vất bỏ đạo đức của Thái Tông, đó chẳng phải là bị xấu tốt lừa dối đó ư.

Khổng Tử lập danh giáo, Lão Tử thì chẳng phỉ báng ông ta. Đến khi Khổng Tử san định lễ nhạc thì nói: “Ta nghe Lão Đam nói rằng...”. Đó cũng là vì người bỏ lời, là thế tình tốt xấu chẳng. Huống gì là hủy báng Phật.

Thánh phàm đều có bản chất riêng, hủy báng họ chính là tự hủy hoại mình, lẽ đâu làm tổn thương Phật.

Từng nghe, một hôm Văn Trung mộng thấy mình bị mấy lực sĩ bắt đến sân của Thái Tông. Thái tông nổi giận mắng: “Ta văn võ lâm liệt như vậy vẫn không tránh khỏi ông chê bai, là tại sao vậy? Văn Trung thất kinh tỉnh mộng. Về sau muốn sửa lại lỗi lầm của mình, nhưng việc đã làm, sử sách đã ban hành rồi, nên cuối cùng không sửa được. Có lần ông ấy than: “Nỗi ray rức trong lòng không sao trốn chạy được. Đủ thấy đâu phải ngẫu nhiên mà ông thốt lên như vậy”.